

Thái Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC MỜI CHÀO GIÁ DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT NĂM 2023

Kính gửi: Các đơn vị/ nhà cung cấp.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình đang có nhu cầu mua sắm các mặt hàng thuộc Danh mục vật tư y tế, hoá chất năm 2023 (Chi tiết danh mục hàng hoá trong phụ lục I, phụ lục II đính kèm).

Kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp các mặt hàng trên tham gia báo giá về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Hồ sơ chào giá gồm:

- Bảng báo giá (Theo mẫu phụ lục III đính kèm)
- Kết quả đã trúng thầu của sản phẩm (Trong vòng 90 ngày kể từ ngày báo giá).
- Thời hạn tham gia chào giá: Từ ngày 02/6/2023 đến 17h00 ngày 16/6/2023.

Hình thức nộp: Bản giấy + File mềm.

- Bản giấy: Gửi về Mr. Tống Quang Đạt, phòng Tài chính kế toán, địa chỉ: Số 530 Đường Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- File mềm: gửi vào email: tcktbvdktd@gmail.com.

Các đơn vị tham gia chào giá có thể liên hệ phòng Tài chính kế toán, điện thoại: (0227)-3843004 và Mr. Tống Quang Đạt số: 0948.939.268 (trong giờ hành chính) để tìm hiểu thêm thông tin.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình kính mời đại diện các đơn vị nộp bản báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu: VT, KD, TCKT.



Lại Đức Trí



PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ
(Kèm theo Thông báo số: 790/TB-BV ngày 01 tháng 6 năm 2023)

STT	Tên VTYT	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	DVT	Số lượng
1	Vật liệu cầm máu Collagen tự tan	Vật liệu cầm máu collagen tự tan, kích thước 5x8cm, tự tiêu hoàn toàn trong vòng 3 tuần. Cầm máu nhanh, thấm hút tốt, dễ bám dính vết thương. Tiêu chuẩn EC, ISO.	Cái	288
2	Syringe cho bơm tiêm cân quang	Chất liệu Polycarbonate hoặc PP hoặc tương đương - 01 Xi lanh dung tích 190 ml - Mức chịu áp lực tối đa: ≥300psi - Không chứa cao su thiên nhiên - Tương thích với hệ thống máy bơm thuốc cân quang Imaxxon Injection	Cái	100
3	Bơm tiêm nha khoa	Dung tích ~1,8ml; Bằng Inox	Cái	5
4	Kìm chọc hút và sinh thiết tủy xương	Cấu hình gồm: 01 kìm chọc, 01 kìm sinh thiết, 01 que đẩy mẫu. Thông số kỹ thuật: Kìm sinh thiết và chọc hút tủy xương, đường kính 8-13G, dài 65-150mm	Cái	100
5	Đẩy nối bơm tiêm điện 30 cm	Đẩy nối bơm tiêm chất cân quang dài 30 cm, không chứa latex. Không có chất phụ gia DEHP. Đường kính trong: ≤ 3mm, đường kính ngoài: ≤ 5mm. Thể tích tồn dư 2ml. Tiệt trùng, đóng gói 1 cái/gói.	Cái	16.000
6	Túi chụp bóng đèn 60cm x 100cm vô trùng	Chất liệu nylon PE hoặc tương đương - Kích cỡ 60cm x 100cm - Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế để được tiệt trùng	Cái	600
7	Ống nghiệm thủy tinh các cỡ	Chất liệu thủy tinh, kích thước: 12cm x 1,2cm, 18cm x 1,8cm	Ống	2.000
8	Ống nghiệm thủy tinh 12x70	Chất liệu thủy tinh. Kích thước: đường kính: 12mm chiều dài ống: 70mm thành ống dày: 0,6mm	Cái	13.000
9	Dây nhựa dày 8mm	Chất liệu nhựa, trắng trong	Mét	6.000
10	Chỉ tan đơn sợi có gai Glycoemer 631 số 3/0 dài 15cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 26mm	Chỉ tan đơn sợi có gai Glycoemer 631 số 3/0 dài 15cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 26mm	Tép	144
11	Lưới đặt thoát vị bẹn tự dính	Lưới điều trị thoát vị bẹn tự dính chất liệu Polyester đơn sợi, có hệ thống gai siêu nhỏ tự dính vào mô chất liệu Polyactic Acid tự tiêu, kích thước 12x8cm.	Niêng	60
12	Bộ kit đo huyết áp xâm nhập (hệ thống đo áp lực động mạch, tĩnh mạch 1 đường người lớn, trẻ em)	Bộ đo huyết áp xâm lấn 1 đường có thêm dây đo áp lực tĩnh mạch chất liệu polyethylene Chiều dài đường áp lực 140cm Dải áp lực: -30 đến 300mmHg Chịu áp lực: -700mmHg đến +7755mmHg	Bộ	100
13	Mũi khoan mini ngắn, dài	đường kính 1,6mm, chiều dài làm việc 22mm.	Cái	30
14	Trocar lồng ngực dùng một lần các cỡ	Công đưa dụng cụ phẫu thuật nội soi, thiết kế cho phẫu thuật lồng ngực, đường kính 5,5-15mm thân dài ≥60mm, gờ trên thân trocar mềm dẻo	Cái	200
15	Kit thu nhận tiểu cầu từ đơn	Kit thu nhận tiểu cầu từ đơn/huyết tương tương thích với máy Trima, kèm theo 01 túi chống đông ACDA 750ml/túi. Thu đồng thời: + Tiểu cầu từ đơn (thu 1 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu) + Huyết tương	Bộ	100
16	Bộ lọc bạch cầu dùng cho truyền tiểu cầu	- Chức năng: Bộ lọc được chỉ định cho loại bộ bạch cầu, vi cực và giảm từ anaphylatoxin C3a* từ 4 đến 10 đơn vị tiểu cầu. - Dễ dàng sử dụng, không cần tráng bằng nước muối sinh lý. - Có van thông khí lọc khuẩn để đuổi khí nhanh khi bắt đầu truyền và đảm bảo đón hết máu khi kết thúc truyền máu. - Tiệt khuẩn	Bộ	500
17	Lên nha khoa	Lên ngang có tác dụng tạo áp lực và khoáng trùng để lên chất cone vào trong ống tủy. Cán sản phẩm phân màu theo tiêu chuẩn ISO. Có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao	Vít	12
18	Bộ đèn đặt nội khí quản	- Làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. - Bóng đèn được thiết kế để dễ dàng tháo lắp ở đầu lưỡi. - Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút, 134oC trong vòng 5 phút. - Lưỡi được thiết kế tối ưu để dễ dàng đặt ống nội khí quản và quan sát tốt.	Bộ	30
19	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn (30 x 40)mm	Thời gian tiêu đến 6 tháng. Kích thước 30*40mm.	Niêng	10
20	Cây đặt nội khí quản khó các cỡ	- Cây dẫn đường đặt nội khí quản đầu cong nhẹ - Có đường thông khí, có các vạch chia đánh dấu rõ ràng - Kích cỡ: 15Fr/5,0mm. Chiều dài 700mm. ID của ống nội khí quản khuyến cáo từ 6,0-11,0	Hộp	1
21	Ống thông phế quản	Ống nội phế quản 2 màng trái phải bao gồm: ống nội phế quản trái/ phải, có nối Y, có hoặc không có kẹp, 4 dây hút đàm có van kiểm soát) * Kích cỡ từ 24FG đến 41FG * Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	10
22	Thăm Trâm	Thăm trâm được dùng để định vị các lỗ ống tủy, có hai đầu dài, một đầu cong, một đầu nghiêng, nhọn và sắc bén	Cây	20
23	Ống tuýp 12x75mm pha huyền dịch vi khuẩn	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần	Ống	3.000
24	Strip ống phản ứng 0,1mL	Strip ống phản ứng 0,1mL. Dây strip 8 ống	Cái	10.000
25	Xương nhân tạo 10cc	- Là vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO2, 24,5% Na2O, 24,5% CaO, 6,0% P2O5 - Công dụng: tạo ra ma trận cho sự phát triển của xương và kích thích tế bào gốc - Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay không cần pha chế - Đóng gói 10cc trong Xi lanh	Hộp	10
26	Xương nhân tạo 5cc	- Là vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO2, 24,5% Na2O, 24,5% CaO, 6,0% P2O5 - Công dụng: tạo ra ma trận cho sự phát triển của xương và kích thích tế bào gốc - Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay không cần pha chế - Đóng gói 5cc trong Xi lanh	Hộp	10
27	Nẹp DCS các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ. Nẹp dày 6mm; thân nẹp rộng ≥ 19 mm - Đồng bộ với vít, vít nên DHS/DCS cùng hãng sản xuất	Cái	40



STT	Tên VTYT	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	DVT	Số lượng
28	Bộ dẫn lưu trong dịch não tủy từ não thất xuống màng bụng - có van loại tự điều chỉnh áp lực	Chất liệu Silicone và Polypropylene. Thiết kế van tự động đáp ứng tất cả các mức áp lực, không cần sử dụng dụng cụ điều chỉnh bên ngoài. Van tích hợp catheter dẫn lưu bụng dài 110cm.	Cái	10
29	Que xoắn đặc Shunt	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài 60cm, đường 1 lần	Cái	10
30	Giấy in dính cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp	- Giấy in 2 lớp dính in kết quả tiệt trùng máy Sterrad 100S - Chiều rộng cuộn giấy 76mm, chiều dài tương đương 30m (±10%). - Đạt tiêu chuẩn EC	Cuộn	12
31	Quả lọc tách huyết tương	Màng lọc tách huyết tương diện tích ≥ 0.5 m ² , chất liệu polyethersulfone, đường kính trong sợi màng ≤ 300 micromet, độ dày thành sợi ≤ 100 micromet, kích thước lỗ màng tối đa 0.5 micromet, thể tích khoang máu ≥ 48 ml, thể tích khoang huyết tương ≥ 154 ml, Lưu lượng máu tối thiểu 60ml/phút tới đa 180 ml/phút, tốc độ huyết tương = 30% tốc độ máu, áp lực xuyên màng tối đa 100mmHg.	Quả	30
32	Bộ dây dẫn lọc tách huyết tương	Bộ dây tách huyết tương PEX cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch; Bộ chuyển đổi điện áp quả lọc tách huyết tương. Dây dẫn dịch thay thế, Dây dẫn đầu ra huyết tương.	Bộ	30
33	Tấm bóng 16 cm	Dùng trong ống nhựa 1 đầu cuộn bóng 1 đầu gắn liền với nắp ống màu đỏ tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30
34	Kim lấy máu chân không	Nguyên liệu thép không gỉ, đã tiệt trùng	cái	100.000
35	Kim xoắn dạng tròn số 16	Kim dạng có cạnh (Không cưa), được làm bằng chất liệu FEP. Có khả năng lưu kim tới 96h. Có 3 vạch cân quang ở thân catheter. Có thể sử dụng trong phòng chụp MRI. Có tấm xốp vi lọc cuối chuỗi kim ngăn máu trào ngược. Được tiệt trùng. Các số 26G x 3/4" (O.D: 0.64 x 19 mm, 19 ml/phút; 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min); Tiêu chuẩn CE; ISO 13485	cái	300
36	Ca-nuyn 2 nóng mở khí quản cỡ cửa số 6.5	Ống mở khí quản 2 nóng riêng biệt, cỡ cửa số. Số 6.5	Cái	3
37	Chi peclon	cuộn 120m	Cuộn	20
38	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu cự (2 tiêu)	- Loại thủy tinh thể: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự. - Thiết kế dạng một mảnh, cang chữ C. - Thiết kế bề mặt vùng quang học: Phi cầu (điều chỉnh cầu sai âm tính). - Chất liệu vùng quang học: Chất liệu Acrylic không ngấm nước (Hydrophobic Acrylic), không bị bọt khí (glistening). - Được phủ bên ngoài 1 lớp heparin. - Lọc tia UV, lọc ánh sáng xanh (màu vàng). - Kích thước vết mổ có thể đơn thủy tinh thể qua: + Đặt qua vết mổ như 2,2mm-2,6mm theo từng dài Diopter + Thủy tinh thể lắp sẵn hoàn toàn trong cartridge, vô khuẩn. + Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 + Công nghệ bù một loạt quang sai từ các hình dạng giác khác nhau và sự sai lệch của thể thủy tinh và sự thay đổi quang sai theo kích thước đồng tử. + Đường kính thấu kính (đường kính quang học) 6mm, đường kính tổng 13mm. + Dải diopter từ 0D đến +34D bước nhảy 0.5 D. + Chỉ số A-constant: 120.2 + ACD: 6.29, đặt trong bao + Thiết kế ngăn chặn PCO: bờ vuông và vòng chống đục bao sau 360 độ + Chỉ số khúc xạ: 1.49 + Chỉ số	Cái	10
39	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị dùng trong phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn, thành bụng	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị có 30 ghim hình xoắn ốc, chất liệu Titanium, ghim cao 3.8mm, đường kính 4mm. Chiều dài phần chứa ghim 35,5cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	5
40	Kéo thẳng 10cm	Dài 10cm; Chất liệu thép không gỉ	Cái	100
41	Kẹp có máu thẳng 18cm	Kẹp có máu thẳng 18cm. Được làm bằng thép không gỉ.	cái	120
42	Kẹp cong 12cm	Vật liệu bằng thép không gỉ, hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Kích cỡ 12cm	Cái	25
43	Kẹp cong 16cm	Vật liệu bằng thép không gỉ, hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Kích cỡ 16cm	Cái	10
44	Kẹp cong 18cm	Vật liệu bằng thép không gỉ, hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Kích cỡ 18cm	Cái	20
45	Kẹp khuỷu 12cm	Dài khoảng 12cm làm bằng thép không gỉ có thể hấp sấy được	Cái	20
46	Kẹp phẫu tích 25cm	Kẹp phẫu tích có máu/không máu 25 cm. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương.	Cái	55
47	Kẹp răng chuột 18cm	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Dài 18-20cm.	Cái	50
48	Kẹp thẳng 14cm	Kẹp thẳng 14cm. Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương	Cái	55
49	Kẹp xương mỏ 14cm	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Dài khoảng 14cm.	Cái	100
50	Kim mang kim 20cm	Chất liệu: Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, dài 20 cm.	Cái	50
51	Kim mang kim 20cm (đầu to)	Chất liệu: Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, dài 20 cm (đầu to)	Cái	20
52	Kim mở miệng răng hàm mặt	Chất liệu: Inox- dài 18cm. Tiêu chuẩn: ISO 9001-2008 và CE: 93/42/EEC	Cái	2
53	Mũi cắt xương răng hàm mặt	Chất liệu: Thép không gỉ. Kích thước: 25mm hoặc 28 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50
54	Bây răng các loại	Các cỡ, Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn ISO	Chiếc	20
55	Bình cầu đáy bằng 500ml	Bình cầu đáy bằng 500ml. Chất liệu thủy tinh	cái	10
56	Bình khí EO	Bình kín chứa Ethylene oxide 100% sử dụng đơn liều, không chứa chất CFC/HFC. Được thiết kế tương thích với máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp EO dòng GS	Bình	720
57	Bộ dẫn lưu vệt mổ silicon kèm troca (bình chứa 150cc, dây dẫn 10ft)	Chất liệu 100% Silicon, được tiệt trùng 2 lớp, một công xả dịch và hai công dẫn lưu với dung tích 150ml/cc có vạch chia thể tích trên thân bình	bộ	350
58	Bộ dẫn lưu vệt mổ silicon kèm troca (bình chứa 200cc, dây dẫn 14ft, 20ft)	Chất liệu 100% Silicon, được tiệt trùng 2 lớp, một công xả dịch và hai công dẫn lưu với dung tích 200ml/cc; có vạch chia thể tích trên thân bình	bộ	150

STT	Tên VTYT	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	DVT	Số lượng
59	Bộ sàng đo định can thiệp	*1x Khăn trải bàn dụng cụ cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo ngăn tắc phòng mổ. 1x Khăn phủ đầu, 2 x Khăn phủ bên, 1x Khăn phủ chân: Chất liệu từ vải không dệt cao cấp 5 lớp, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, được gia cố vàng thấm hút đặc biệt, có băng keo y tế, không gây kích ứng da, có tấm cố định ống dây. Phần đầu của khăn phủ đầu là miếng plastic trong. * Và các phụ kiện khác *	Bộ	20
60	Bộ kit tách tiểu cầu kim đơn với 02 túi để chứa tiểu cầu	Bộ chiết tách tiểu cầu là hệ thống khép kín, vô khuẩn. Bộ dịch liên tục, tự động nhằm bù thể tích máu lấy ra để làm giảm nguy cơ tai biến cho người hiến. Chiết tách tiểu cầu liên tục. Lượng máu lấy ra cho mỗi lần chiết tách từ 200-250ml, xử lý liên tục.	bộ	100
61	Bộ lọc bạch cầu cho khối hồng cầu tại giường	Bộ lọc bạch cầu cho khối tiểu cầu tại giường, sử dụng bộ lọc mềm	bộ	500
62	Bộ lên ống tủy dọc	Bộ cây lên dọc đủ số. Chiều dài 21mm hoặc 25mm. Cán kim loại, đàn hồi và chịu lực.	Bộ	2
63	Bộ lên ống tủy ngang	Bộ cây lên ngang đủ số. Chiều dài 21mm hoặc 25mm. Cán kim loại, đàn hồi và chịu lực.	Bộ	4
64	Chổi cước	Chất liệu cước mềm mại. Túi 1 cái	cái	15
65	Chổi cước to	Chất liệu cước mềm mại. Túi 1 cái	Cái	10
66	Cốc nhựa cứng	Loại dùng 01 lần, chất liệu bằng nhựa trong, dung tích 140ml - 220ml	cái	150
67	Côn trám bit ống tủy nha khoa	Tính cân quang cao. Gồm nhiều kích cỡ và độ thước khác nhau và có vạch đánh dấu chiều dài	cái	1.200
68	Đèn cồn	Thể tích: 150ml Chất liệu: thân thủy tinh, dây tim và nắp chụp nhựa chịu nhiệt	Cái	50
69	Đồng hồ oxy trung tâm nắp xanh	Bộ bao gồm: ĐH oxy; bình tạo âm, dây dẫn	bộ	100
70	Giấy đánh chất hàn	Giấy dùng trộn chất hàn trong nha khoa	tập	20
71	Giấy in kết quả sinh hóa máu	Đường kính 8 cm	Caon	50
72	Khăn đúc bệnh phẩm các cỡ	Dùng để xử lý các mẫu mô học nhỏ, làm bằng nhựa acetalic, nắp có thể tháo rời, chịu được thuốc thử mô học như rượu, dung môi và chất khử cặn, chịu được nhiệt độ cao. Kích thước bên ngoài: 40x26x7 mm	Cái	20
73	Lọ nút mài 1 l	Chất liệu thủy tinh, dung tích 1.000ml. Màu nâu	cái	15
74	Lọ nút mài 500ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 500ml	cái	20
75	Nong máy	Được làm bằng thép không gỉ hoặc NiTi. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn, các số. Hộp gồm 6 cây	vi	25
76	Ốc tay khoan dùng cho tay khoan HD	Tương thích với tay khoan HD	Cái	5
77	Ốc tay khoan dùng cho tay khoan WH 4 lỗ	Tương thích với tay khoan WH bán 4 lỗ	Cái	5
78	Ống giữ kim lấy máu	Nhựa y tế trong suốt. Khôa ren, dùng trong lấy máu chân không. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	cái	50.000
79	Ống thủy tinh borosilicate 12 x 75mm (dùng để pha loãng CSE)	Ống thủy tinh borosilicate 12 x 75mm	Gói	2
80	Ống thủy tinh soda lime 10 x 75mm (dùng để thử chống dung môi CSE)	Ống thủy tinh soda lime 10 x 75mm	Gói	2
81	Phễu thủy tinh	Chất liệu thủy tinh	Cái	2
82	Que đánh chất hàn nhựa	Chất liệu nhựa cứng.	Cái	20
83	Tay khoan	Tương đương tay khoan Marathon	Chiếc	10
84	Tay khoan nhanh 2 lỗ, 4 lỗ	Tương đương tay khoan nhanh của hãng WH	Cái	4
85	Tay khoan nha khoa siêu tốc	Chuôi kết nối 2 lỗ/ 4 lỗ - Tốc độ 330.000 vòng quay/ phút - Hệ thống chuck bám thay mũi khoan để đánh mà chỉ cần tác động một lực nhỏ - Tiết trùng được thích nghi đến 135 độ C và thích hợp khử trùng nhiệt - Bộ lọc nước ngay đầu vào tay khoan cho chức năng phun sương tối ưu. - Hệ thống đầu tay khoan vệ sinh, chống hút ngược	Cái	10
86	Dao cắt bệnh phẩm dùng cho cắt lạnh	-Lưỡi cắt mạnh mẽ với một lưỡi cắt cứng hơn -Đặc biệt thích hợp cho mô rất cứng -Kết quả rất tốt với microtomes trượt và quay cho vật liệu khô -Lý tưởng để sử dụng với cắt lạnh • Hộp 50 lưỡi	Hộp	2
87	Đinh rush đường kính các loại	Đường kính từ 2.4 đến 6.0mm, dài từ 40 đến 440mm. Tiêu chuẩn ISO. CE, chất liệu thép không gỉ.	cái	150
88	Đinh Meitaizem các loại các cỡ	Đường kính từ 1,5 -3,5 mm	cái	40
89	Nẹp khóa chữ Y bán ngón, vít 1.5mm	Chất liệu titanium nguyên chất. Số lỗ đầu: 3 lỗ, số lỗ thân: 8 lỗ. Độ dày nẹp 1mm, chiều rộng 4,3mm, chiều dài nẹp 46,35mm	cái	20
90	Nẹp khóa thẳng bán ngón, vít 1.5mm	Chất liệu titanium nguyên chất. Gồm các cỡ 4, 6 lỗ. Độ dày nẹp 1mm, chiều rộng 4,3mm, chiều dài nẹp 23mm và 36mm.	cái	30
91	Vít khóa đường kính 1,5mm	Chất liệu titanium Alloy, tự tạo, mô vít hình sao. Đường kính 1,5mm, đường kính lõi vít 1,1mm. Chiều dài từ 6 - 14mm, bước tăng 1mm, Chiều dài từ 14 - 24mm, bước tăng 2mm.	cái	200

STT	Tên VTYT	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	DVT	Số lượng
92	Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu, cho phép dẫn ống dẫn lưu	Chất liệu nhựa sinh học PCL (polycaprolacton). Trạng thái xốp: 40% - 85%. Kích thước lỗ: 250 - 1600µm, kích thước: 100mm x 12mm x 5mm. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều Thúc đẩy sự hình thành xương sọ. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo. Tiệt trùng bằng tia Gamma	Miếng	20
93	Bát inox phi 10.	chất liệu làm từ inox, đường kính 10cm	Cái	50
94	Bát inox phi 20	chất liệu làm từ inox, đường kính 20cm	Cái	30
95	Chậu thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, đường kính 20cm	Cái	2
96	Răng giả sứ Cercon	Là loại răng sứ không kim loại được cấu tạo từ 2 lớp: Lớp bên trong là khung sườn chịu lực từ vật liệu phối Cercon có độ cứng cao từ 1000 đến 1500 mpa, khung sườn được chế tác với công nghệ CAD/CAM có độ chính xác cao. Phần bên ngoài sườn được phủ 1 lớp sứ mỏng đạt tiêu chuẩn an toàn, nung ở nhiệt độ từ 900 đến 1000 độ.	Đơn vị	100
97	Răng giả kim loại sứ	Là loại răng giả có cấu tạo gồm 2 phần: Phần khung sườn bên trong được làm từ hợp kim Ni - Cr, độ dày của khung sườn dao động từ 0,1 mm đến 0,3 mm hoặc theo yêu cầu của Bác sĩ. Phần bên ngoài sườn được phủ 1 lớp sứ mỏng, nung ở nhiệt độ từ 900 đến 1000 độ C.	Đơn vị	50
98	Răng giả sứ Ceramil	Là loại răng giả có cấu tạo gồm 2 phần: Phần khung sườn bên trong được làm từ ceramil, độ dày của khung sườn dao động từ 0,1 mm đến 0,3 mm hoặc theo yêu cầu của Bác sĩ. Phần bên ngoài sườn được phủ 1 lớp sứ mỏng.	cái	100
99	Dây cao su 8 ly	Dây bằng chất liệu cao su y tế, độ dày 8mm	Kg	1.500
100	Dây ống nghe	Chất liệu cao su	Cái	150
101	Giá đỡ ống nghiệm inox 20 lỗ	Giá đựng ống nghiệm bằng inox có 20 lỗ	Cái	3
102	Hàm tháo lắp nhựa dẻo	Hàm nhựa dẻo các số	Hàm	10
103	Hộp lồng (thủy tinh) đường kính 10cm	Chất liệu thủy tinh trong suốt đường kính 10cm. SP đạt chứng chỉ ISO	cái	600
104	Hộp lồng thủy tinh 7,5cm	Chất liệu thủy tinh trong suốt đường kính 7,5cm. SP đạt chứng chỉ ISO	Cái	1.000
105	Hộp tip 200ul, đã tiệt trùng.	Hộp tip 200ul, đã tiệt trùng.	Hộp	2
106	Khay inox 425*325*25	Khay inox 425*325*25mm	Cái	10
107	Lọ công tơ hu	Chất liệu thủy tinh	Cái	15
108	Ống đong	Chất liệu thủy tinh	Cái	2
109	Ống xét nghiệm vi sinh	Chất liệu thủy tinh, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh	Kg	1
110	Phin lọc 0,2 Micro dùng cho máy lọc nước	Chất liệu 100% Polypropylene (PP); Kích thước dài ≥ 20 inch;	Cái	10
111	Phin lọc 1 Micro dùng cho máy lọc nước	Chất liệu 100% Polypropylene (PP); Kích thước dài ≥ 20 inch;	Cái	20
112	Phin lọc 5 Micro dùng cho máy lọc nước	Chất liệu 100% Polypropylene (PP); Kích thước dài ≥ 20 inch;	Cái	120
113	Phin lọc nước 50cm	Phin lọc nước 50cm Suif. Chất liệu nhựa Polypropylene	Quả	100
114	Phin lọc nước 50cm loại 1 Microns	Phin lọc nước 50cm loại 1 Microns. Chất liệu nhựa Polypropylene	Quả	230
115	Bóng đèn đặt nội khí quản	Bóng đèn đặt nội khí quản được làm bằng thép không gỉ	Cái	50



PHỤ LỤC II: DANH MỤC HOÁ CHẤT

(Kèm theo Thông báo số: 790 /TB-BV ngày 01 tháng 6 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS trên máy phân tích huyết học	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động kết hợp các hóa chất phân tích để theo dõi giá trị phép đo các thông số về thể tích, độ dày, tán xạ. - Thành phần: một dung dịch chứa các hạt nhựa polystyrene trong chất đệm chứa chất hoạt tính bề mặt.	1x4ml	Lọ	12
2	Chất chuẩn máy dùng trên máy phân tích huyết học	Chất chuẩn dùng để chỉnh hệ số trên hệ thống phân tích tế bào tự động được liệt kê trong bảng trong tờ insert, kết hợp với thuốc thử cụ thể. - Thành phần: gồm hồng cầu người, thành phần có kích thước tiểu cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương. Hồng cầu cố định được thêm vào để mở phòng bạch cầu.	1x3.3ml	Hộp	2
3	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính dùng cho máy phân tích nước tiểu.	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính dùng cho máy phân tích nước tiểu. Thành phần: Potassium phosphate monobasic and dibasic; sodium chloride; urea	25 test/hộp	Test	25
4	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính dùng cho máy phân tích nước tiểu.	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính dùng cho máy phân tích nước tiểu. Thành phần: Glucose; crystalline bilirubin; sodium methyl acetoacetate; bovine hemoglobin; bovine serum albumin; 5-(4-sulfobutoxy)-2-methylindole sodium salt; sodium nitrite; protease (fungal)	25 test/hộp	Test	25
5	Fuji VII hoặc tương đương	Gồm 15g powder, 10g liquid, 6g Dentin Conditioner, là vật liệu dùng để trám răng, điều trị sâu răng.	Hộp	Hộp	20
6	Keo trám Bonding hoặc tương đương	- Keo dán một thành phần, sơ mòn vôi acid (total-etch), với độ bền dán cao. Dán tuyệt vời trên men và ngà. Keo dán nền ethanol/nước. Nắp đóng an toàn, hạn chế tối thiểu sự bay hơi.	Lọ	Lọ	10
7	Bộ kit hồng cầu mẫu sàng lọc kháng thể bất thường	Thành phần: Chứa hỗn dịch tế bào hồng cầu người nhóm máu O nồng độ 0,8%. Sản phẩm đã sẵn sàng để sử dụng. Tính năng: Sàng lọc kháng thể bất thường.	3x10ml	Hộp	6
8	Hóa chất dùng để XN định lượng Fibrinogen	Hóa chất dùng để XN định lượng Fibrinogen-Clauss. Dụng Đợt khô. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 3 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 1 tháng nhiệt độ -20 độ C, ≥ 3 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy (ACL TOP) Hóa chất định lượng yếu tố kháng Xa - Đặc tính, công dụng: Hóa chất dùng trong xét nghiệm theo dõi tác động của Heparin không phân đoạn, trọng lượng phân tử thấp, fondaparinux, rivaroxaban, apixaban và edoxaban... thông qua hoạt độ của yếu tố X hoạt hóa. Xét nghiệm được thực hiện bằng cơ chế đo quang so màu. - Thành phần: Hóa chất đóng gói dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng. • Thuốc thử 1: thuốc thử chứa cơ chất tạo màu • Thuốc thử 2: thuốc thử chứa yếu tố Xa từ bò - Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C - Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp/6 lọ x 4 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	10x5ml	Hộp	12
9	Hóa chất Anti Xa	Hóa chất dùng để chuẩn cho xét nghiệm định lượng nồng độ UFH/LMWH. Dụng Đợt khô - Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C - Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp/4 bộ x 5 lọ x 1 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp 6 lọ x 4ml	Lọ	24
10	Hóa chất dụng đương chuẩn cho UFH/LMWH	Thành phần: • Thuốc thử 1: Huyết tương người đông khô có Heparin trọng lượng phân tử thấp với hàm lượng biết trước. • Thuốc thử 2: Huyết tương người đông khô có chứa Heparin trọng lượng phân tử thấp với hàm lượng biết trước (cao hơn R1) - Đóng gói: Hộp/6 lọ x 2 mức x 1 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp 4 bộ x 5 lọ x 1 ml	Lọ	20
11	Hóa chất kiểm chuẩn cho LMWH	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Sàng lọc kháng đông Lupus Hộp 3x2x1ml	Hộp 6 lọ x 2 mức x 1 ml	Lọ	12
12	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm LA	Hóa chất xét nghiệm Sàng lọc kháng đông Lupus trên máy đồng màu tự động Hộp 12x2ml	Hộp 3x2x1ml	Hộp	1
13	Hóa chất Sàng lọc kháng đông Lupus	Hóa chất kháng định kháng đông Lupus trên máy đồng màu tự động. Hộp 12x2ml	Hộp 12x2ml	Hộp	2
14	Hóa chất kháng định kháng đông Lupus	Hóa chất dụng đương chuẩn cho xét nghiệm định lượng nồng độ thuốc Rivaroxaban. Gồm 4 mức, dạng đồng khô - Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C - Đóng gói: Hộp/4 mức x 3 lọ x 1 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp 12x2ml	Hộp	2
15	Hóa chất dụng đương chuẩn cho thuốc Rivaroxaban	Thành phần: • Thuốc thử 1: huyết tương người có chứa một số lượng được xác định rõ của rivaroxaban, dạng đồng khô. • Thuốc thử 2: huyết tương người có chứa một số lượng được xác định rõ của rivaroxaban lớn hơn so với thuốc thử 1, dạng đồng khô. - Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C - Đóng gói: Hộp/2 mức x 3 chai x 1ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp 3x4x1ml	Hộp	1
16	Hóa chất kiểm chuẩn cho thuốc Rivaroxaban	Công thức hóa học là: HCL. Đóng gói 1 chai 500ml	Hộp 3x2x1ml	Hộp	1
17	Acid HCl		Chai 500ml	Chai	1



STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
18	Dầu xịt tay khoan	Dầu xịt tay khoan dùng để bôi trơn tay khoan các loại, giúp gia tăng tuổi thọ của vòng bi và tay khoan, trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa - Chất liệu: Dầu bảo dưỡng sinh học, hạt mịn	500ml/ lọ	Chai	1
19	Glycerin	Hóa chất tinh khiết dùng trong phòng thí nghiệm. Công thức hóa học C3H5(OH)3	30kg/ can	Lít	100
20	lọ	Là chất rắn có màu tím thâm/xám có thể thăng hoa tại nhiệt độ thường	250g/ chai	Kg	3
21	Acid Acetic tinh khiết	Dung dịch không màu, mùi chua của dấm. Acid acetic >99,5%	Chai 500ml	Lít	1
22	Bóng đèn LED cho máy xét nghiệm dòng máu	Bóng đèn LED 671NM	Túi	Túi	3
23	Đĩa khuấy từ trắng dùng trên máy dòng máu	Thanh khuấy từ trắng kích thước 2x7mm dùng cho xét nghiệm PT. Đóng gói 1 thanh/túi, thanh khuấy màu trắng	Hộp 1 cái	Hộp	1
24	Hóa chất dùng cho xét nghiệm RF Latex	Hóa chất dùng cho xét nghiệm RF Latex ; dải đo: 10-120 IU/mL ; phương pháp: Immuno-turbidimetric ; Thành phần: Glycine buffer (pH 8.0) 170 mmol/L; Latex phủ IgG ng.ri < 0.5%;	4x24ml+4x8 ml	Hộp	8
25	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF. Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa lượng RF ở người với các nồng độ khác nhau	5x1ml	Hộp	1
26	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Anti-Cardiolipin	iFlash-Anti-Cardiolipin Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hóa chất định lượng Anti-Cardiolipin Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 5.0-300 AU/mL Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	3
27	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti Cardiolipin	Anti Cardiolipin Control Quy cách: Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Anti Cardiolipin Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-Cardiolipin IgG	Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL.	Hộp	2
28	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Cardiolipin IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hóa chất định lượng Cardiolipin IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 1-120 GPLU/mL Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	3
29	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Cardiolipin IgG	Cardiolipin IgG Control Quy cách: Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Cardiolipin IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-Cardiolipin IgM	Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL.	Hộp	2
30	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Cardiolipin IgM	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hóa chất định lượng Cardiolipin IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 1-120 GPLU/mL Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	3
31	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Cardiolipin IgM	Cardiolipin IgM Control Quy cách: Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Cardiolipin IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-β2-Glycoprotein I IgG	Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL.	Hộp	2
32	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm β2-Glycoprotein I IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hóa chất định lượng β2-Glycoprotein I IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 2-200 AU/mL Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	3
33	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm β2-Glycoprotein I IgG	β2-Glycoprotein I IgG Control Quy cách: Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL. Tính năng: Kiểm chuẩn β2-Glycoprotein I IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-β2-Glycoprotein I IgM	Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL.	Hộp	2
34	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm β2-glycoprotein I IgM	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hóa chất định lượng β2-Glycoprotein I IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 2.0-841 AU/mL Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	3
35	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm β2-Glycoprotein I IgM	β2-Glycoprotein I IgM Control Quy cách: Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL. Tính năng: Kiểm chuẩn β2-Glycoprotein I IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2x1mL, Negative: 2x1mL.	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
36	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm ANA	iFlash-ANA Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hòa chất định lượng ANA Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 4.0-500 AU/mL Thời gian trả kết quả: 33 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 ANA Control	2*50 T/Kit	Hộp	15
37	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm ANA	Quy cách: Positive: 2*1mL, Negative: 2*1mL. Tính năng: Kiểm chuẩn ANA Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-dsDNA IgG	Positive: 2*1mL, Negative: 2*1mL.	Hộp	10
38	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm dsDNA IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hòa chất định lượng dsDNA IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 2-300 IU/mL Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 dsDNA IgG Control	2*50 T/Kit	Hộp	15
39	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm dsDNA IgG	Quy cách: Positive: 2*1mL, Negative: 2*1mL. Tính năng: Kiểm chuẩn dsDNA IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-RNP70 IgG	Positive: 2*1mL, Negative: 2*1mL.	Hộp	10
40	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm RNP70 IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hòa chất định lượng RNP70 IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 2.0-400 AU/mL Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
41	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm RNP70 IgG	Tính năng: Thuốc thử dùng kiểm chuẩn cho xét nghiệm SS-A IgG, SS-B IgG, Sm IgG, Jo-1 IgG, RNP 70 IgG, Scl-70 IgG, PAPP-A) Đóng gói: Negative: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL/Hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-Scl-70 IgG	Negative: 1*1mL, Positive: 1*1mL.	Hộp	1
42	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Scl-70 IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hòa chất định lượng Scl-70 IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 2-200AU/mL Thời gian trả kết quả: 33 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
43	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Scl-70 IgG	Tính năng: Thuốc thử dùng kiểm chuẩn cho xét nghiệm SS-A IgG, SS-B IgG, Sm IgG, Jo-1 IgG, RNP 70 IgG, Scl-70 IgG, PAPP-A) Đóng gói: Negative: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL/Hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-MPO IgG	Negative: 1*1mL, Positive: 1*1mL.	Hộp	1
44	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm MPO IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hòa chất định lượng MPO IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 1.5-300 AU/mL Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
45	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HBsAg	iFlash-HBsAg Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hòa chất định lượng HBsAg Phương pháp xét nghiệm: Sandwich Dải đo: 0-250 IU/mL Thời gian trả kết quả: 32 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 HBsAg Control	2*50 T/Kit	Hộp	40
46	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn HBsAg Tiêu chuẩn: ISO 13485 iFlash-Anti-HCV	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL.	Hộp	10
47	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Anti-HCV	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2 Tính năng: Hòa chất định lượng Anti-HCV Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Anti-HCV Control	2*50 T/Kit	Hộp	35
48	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Anti-HCV Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL.	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
40	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HIV Combo	iFlash-HIV Combo Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2 Tính năng: Hòa chất định tính HIV Combo Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dài đo: Thời gian trả kết quả: 32 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	40
50	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm HIV Combo	HIV Combo Control Quy cách: HIV-I Ab Positive: 1*2mL, HIV-II Ab Positive: 1*2mL, p24 Ag Positive: 1*2mL, Negative: 1*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn HIV Combo Tiêu chuẩn: ISO 13485	HIV-I Ab Positive: 1*2mL, HIV-II Ab Positive: 1*2mL, p24 Ag Positive: 1*2mL, Negative: 1*2mL.	Hộp	10
51	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Anti-HBs	iFlash-Anti-HBs Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: Hòa chất định lượng Anti-HBs Phương pháp xét nghiệm: Sandwich Dài đo: 5-1,000 mIU/mL Thời gian trả kết quả: 25 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	3
52	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs	Anti-HBs Control Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Anti-HBs Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL.	Hộp	2
53	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm HBeAg	iFlash-HBeAg Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2 Tính năng: Hòa chất định tính HBeAg Phương pháp xét nghiệm: Sandwich Dài đo: Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	5
54	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBeAg	HBeAg Control Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn HBeAg Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL.	Hộp	2
55	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Anti-HBe	iFlash-Anti-Hbe Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2 Tính năng: Hòa chất định tính Anti-Hbe Phương pháp xét nghiệm: Competitive Dài đo: Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	5
56	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBe	Anti-HBe Control Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Anti-HBe Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL.	Hộp	2
57	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm Anti-HBc	iFlash-Anti-HBc Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2 Tính năng: Hòa chất định tính Anti-HBc Phương pháp xét nghiệm: Competitive Dài đo: Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	2
58	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc	Anti-HBc Control Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Anti-HBc Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL.	Hộp	2
59	Nước rửa cho máy miễn dịch iFlash	Wash Buffer (concentrated, 10*) Quy cách: 4*1L / tank Tính năng: Nước rửa cho máy miễn dịch iFlash Tiêu chuẩn: ISO 13485	4*1L / tank	Hộp	60
60	Cơ chất phát quang	Pre-Trigger Solution Quy cách: 220 mL*4 / box Tính năng: Cơ chất phát quang Tiêu chuẩn: ISO 13485	220 mL*4 / box	Hộp	43
61	Cơ chất phát quang	Trigger Solution Quy cách: 220 mL*4 / box Tính năng: Cơ chất phát quang Tiêu chuẩn: ISO 13485	220 mL*4 / box	Hộp	43

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
62	Giếng phản ứng sử dụng cho máy Iflash	Reaction Vessel Quy cách: 1000 cuvettes / bag, 2 bags/box Tính năng: Giếng phản ứng sử dụng cho máy Iflash Tiêu chuẩn: ISO 13485	1000 cuvettes / bag, 2 bags/box	Hộp	32
63	Hóa chất định lượng AFP	Hóa chất định lượng AFP, phương pháp hóa phát quang, tương thích với máy DXI unicel 800	2x50 test	Hộp	15
64	Hóa chất chuẩn xét nghiệm AFP	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng AFP, phương pháp hóa phát quang, tương thích với máy DXI unicel 801	7x2.5ml	Hộp	1
65	Bộ ống dây bơm	Bộ ống dây bơm. Tương thích với máy GASTAT 1800 series Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: thuốc thử định lượng Toxo IgG	3unit/bag	Túi	3
66	Thuốc thử định lượng Toxo IgG	Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 0.6-400 IU/ml. Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2	2*50 T/Kit	Hộp	1
67	Thuốc thử định tính Toxo IgM	Tính năng: thuốc thử định tính Toxo IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2, Cal3	2*50 T/Kit	Hộp	2
68	Thuốc thử định lượng Rubella IgG	Tính năng: thuốc thử định lượng Rubella IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 0.7-350 IU/ml. Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3, R4 và Cal1, Cal2	2*50 T/Kit	Hộp	2
69	Thuốc thử định tính Rubella IgM	Tính năng: thuốc thử định tính Rubella IgM Phương pháp xét nghiệm: Capture Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3	2*50 T/Kit	Hộp	4
70	Thuốc thử định lượng CMV IgG	Tính năng: thuốc thử định lượng CMV IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 0.5-180 U/ml. Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2	2*50 T/Kit	Hộp	4
71	Thuốc thử định tính CMV IgM	Tính năng: thuốc thử định tính CMV IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2	2*50 T/Kit	Hộp	2
72	Thuốc thử định tính HSV-1 IgG	Tính năng: thuốc thử định tính HSV-1 IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 32 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2	2*50 T/Kit	Hộp	2
73	Thuốc thử định tính HSV-1 IgM	Tính năng: thuốc thử định tính HSV-1 IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 32 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2	2*50 T/Kit	Hộp	4
74	Thuốc thử định tính HSV-2 IgG	Tính năng: thuốc thử định tính HSV-2 IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 32 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2	2*50 T/Kit	Hộp	4
75	Thuốc thử định tính HSV-2 IgM	Tính năng: thuốc thử định tính HSV-2 IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 32 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3	2*50 T/Kit	Hộp	2
76	Thuốc thử định lượng Mycoplasma Pn. IgG	Tính năng: thuốc thử định lượng Mycoplasma Pn. IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 2.0-300 AU/ml. Thời gian trả kết quả: 32 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2	2*50 T/Kit	Hộp	4
77	Thuốc thử định tính Mycoplasma Pn. IgM	Tính năng: thuốc thử định tính Mycoplasma Pn. IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 32 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
78	Thuốc thử định lượng Chlamydia Pn. IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: thuốc thử định lượng Chlamydia Pn. IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 3.0-400 AU/ml Thời gian trả kết quả: 30 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
79	Thuốc thử định tính Chlamydia Pn. IgM	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2 Tính năng: thuốc thử định tính Chlamydia Pn. IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: Thời gian trả kết quả: 40 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	4
80	Thuốc thử định lượng EB NA IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: thuốc thử định lượng EB NA IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 0.5-600 U/ml Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	4
81	Thuốc thử định tính EB NA IgA	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2 Tính năng: thuốc thử định tính EB NA IgA Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
82	Thuốc thử định lượng EB VCA IgG	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tính năng: thuốc thử định lượng EB VCA IgG Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: 10-750 U/ml Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
83	Thuốc thử định tính EB VCA IgM	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2 Tính năng: thuốc thử định tính EB VCA IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
84	Thuốc thử định tính EB VCA IgA	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2 Tính năng: thuốc thử định tính EB VCA IgA Phương pháp xét nghiệm: Indirect Dải đo: Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
85	Thuốc thử định tính EB EA IgM	Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2 Tính năng: thuốc thử định tính EB EA IgM Phương pháp xét nghiệm: Indirect Thời gian trả kết quả: 35 phút / xét nghiệm Tiêu chuẩn: ISO 13485	2*50 T/Kit	Hộp	1
86	Thuốc thử kiểm chuẩn HSV-1 IgG	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn HSV-1 IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL	Hộp	1
87	Thuốc thử kiểm chuẩn HSV-1 IgM	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn HSV-1 IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL	Hộp	1
88	Thuốc thử kiểm chuẩn HSV-2 IgG	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn HSV-2 IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL	Hộp	1
89	Thuốc thử kiểm chuẩn HSV-2 IgM	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn HSV-2 IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL	Hộp	1
90	Thuốc thử kiểm chuẩn Toxo IgG	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Toxo IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL	Hộp	1
91	Thuốc thử kiểm chuẩn Toxo IgM	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Toxo IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL	Hộp	1
92	Thuốc thử kiểm chuẩn CMV IgG	Quy cách: Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn CMV IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2*2mL, Negative: 2*2mL	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
93	Thuốc thử kiểm chuẩn CMV IgM	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn CMV IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
94	Thuốc thử kiểm chuẩn Rubella IgG	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Rubella IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
95	Thuốc thử kiểm chuẩn Rubella IgM	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Rubella IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
96	Thuốc thử kiểm chuẩn Mycoplasma pn. IgG	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Mycoplasma pn. IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
97	Thuốc thử kiểm chuẩn Mycoplasma pn. IgM	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Mycoplasma pn. IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
98	Thuốc thử kiểm chuẩn Chlamydia pn. IgG	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Chlamydia pn. IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
99	Thuốc thử kiểm chuẩn Chlamydia pn. IgM	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn Chlamydia pn. IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
100	Thuốc thử kiểm chuẩn EB NA IgG	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn EB NA IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
101	Thuốc thử kiểm chuẩn EB NA IgA	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn EB NA IgA Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
102	Thuốc thử kiểm chuẩn EB VCA IgG	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn EB VCA IgG Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
103	Thuốc thử kiểm chuẩn EB VCA IgM	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn EB VCA IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
104	Thuốc thử kiểm chuẩn EB VCA IgA	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn EB VCA IgA Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
105	Thuốc thử kiểm chuẩn EB EA IgM	Quy cách: Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL. Tính năng: Kiểm chuẩn EB EA IgM Tiêu chuẩn: ISO 13485	Positive: 2×2mL, Negative: 2×2mL	Hộp	1
106	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Trichinella	Bộ xét nghiệm Trichinella ELISA là xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng Trichinella, trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bộ xét nghiệm: - Khay vi giếng: chứa kháng nguyên Trichinella - 96 giếng trong một khay giữ thanh vi giếng. - Enzyme Liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein A liên hợp với peroxidase - Chủng dương: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh chó dương tính pha loãng - Chủng âm: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh người âm tính pha loãng - Dung dịch Cơ chất TMB: Một (1) chai chứa 11 ml chất tạo màu tetramethylbenzidine (TMB). - Dung dịch rửa đệm đặc 20X: Một (1) chai chứa 25ml dung dịch đệm rửa đệm đặc và chất hoạt động bề mặt - Dung dịch đệm pha loãng: Một (1) hoặc hai (2) lọ chứa 30 ml dung dịch protein đệm - Dung dịch Dừng phản ứng: Một (1) chai chứa 11 ml dung dịch 1 M axit photphoric Tỉ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng (15-25°C) Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm Độ nhạy: 100 % Độ đặc hiệu: 100 %	96 Tests/Hộp	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
107	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Toxocara	<p>Để kiểm tra định tính kháng thể IgG kháng Toxocara trong huyết thanh và huyết tương sử dụng kỹ thuật ELISA.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: vi giếng chứa kháng nguyên Toxocara - 96 giếng trong một khay giữ thanh vi giếng - Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11ml Protein A liên hợp với peroxidase. Nồng độ enzyme là 12K. - Chứng dương: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh thỏ dương tính pha loãng. - Chứng âm: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh người âm tính pha loãng. - Dung dịch cơ chất TMB: Một (1) chai chứa 11 ml chất tạo màu tetramethylbenzidine (TMB). - Dung dịch rửa đệm đặc 20X: Một (1) chai chứa 25ml dung dịch đệm rửa đệm đặc và chất hoạt tính bề mặt. - Dung dịch pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml ở dung dịch đệm protein. - Dung dịch dừng: Một (1) chai chứa 11 ml của 1 M axit phosphoric. Tỉ lệ pha loãng: 1:100; Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC) Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm Độ nhạy: 87,5 %. Độ đặc hiệu: 93,3 %. Độ ổn định: Bộ xét nghiệm ổn định tại 2-8oC trong 12 tháng. Dùng cho sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng Fasciola trong huyết thanh sử dụng kỹ thuật ELISA. <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: chứa kháng nguyên Fasciola- 96 giếng xét nghiệm trong một khay giữ thanh vi giếng - Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11ml Protein A liên hợp với peroxidase - Chứng dương: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh thỏ dương tính pha loãng - Chứng âm: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh người âm tính được pha loãng - Dung dịch cơ chất TMB: Một (1) chai chứa 11 ml chất tạo màu tetramethylbenzidine (TMB). - Dung dịch rửa đệm đặc 20X: Một (1) chai chứa 25ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt. - Đệm pha loãng: Hai (2) lọ chứa 30 ml dung dịch protein đệm - Dung dịch dừng phản ứng: Một (1) chai chứa 11 ml dung dịch 1 M axit photphoric Tỉ lệ pha loãng: 1:100; Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC) Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm Độ nhạy: 100 % Độ đặc hiệu: 100 % Độ ổn định: Bộ xét nghiệm ổn định tại 2-8oC trong 12 tháng. 	96 Tests/Hộp	Hộp	5
108	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	<p>Xét nghiệm ELISA Strongyloides là một xét nghiệm miễn dịch định tính bằng enzym để phát hiện các kháng thể kháng Strongyloides, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên Strongyloides L3 - 96 giếng trong khay giữ thanh vi giếng; - Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase. - Chứng dương: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh thỏ dương tính đã được pha loãng. - Chứng âm: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh người đã pha loãng. - TMB: Một (1) chai chứa 11 ml cơ chất tetramethylbenzidine (TMB). - Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Một (1) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt. - Dung dịch đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm. - Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M. Tỉ lệ pha loãng: 1:64; Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC) Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm Độ nhạy: 100 %. Độ đặc hiệu: 100 %. Độ ổn định: Bộ xét nghiệm ổn định tại 2-8oC trong 12 tháng. 	96 Tests/Hộp	Hộp	2
109	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	<p>Xét nghiệm ELISA Strongyloides là một xét nghiệm miễn dịch định tính bằng enzym để phát hiện các kháng thể kháng Strongyloides, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên Strongyloides L3 - 96 giếng trong khay giữ thanh vi giếng; - Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase. - Chứng dương: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh thỏ dương tính đã được pha loãng. - Chứng âm: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh người đã pha loãng. - TMB: Một (1) chai chứa 11 ml cơ chất tetramethylbenzidine (TMB). - Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Một (1) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt. - Dung dịch đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm. - Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M. Tỉ lệ pha loãng: 1:64; Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC) Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm Độ nhạy: 100 %. Độ đặc hiệu: 100 %. Độ ổn định: Bộ xét nghiệm ổn định tại 2-8oC trong 12 tháng. 	96 Tests/Hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
110	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Ascaris	<p>Xét nghiệm Diagnostic Automation Ascaris ELISA dùng để tầm soát định tính kháng thể IgG kháng Ascaris trong huyết thanh bằng kỹ thuật ELISA.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: vi giếng chứa kháng nguyên Ascaris - 96 giếng trong một khay giữ thành vi giếng - Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein A liên hợp với peroxidase - Chứng dương: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh tho dương tính đã được pha loãng. - Chứng âm: Một (1) lọ chứa 1 ml huyết thanh người âm tính đã pha loãng - Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml chất tạo màu tetramethylbenzidine (TMB). - Dung dịch rửa đệm đặc 20X: Một (1) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt. - Dung dịch đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm - Dung dịch dừng: Một (1) chai chứa 11 ml of 1 M phosphoric acid <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100; Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: 96%</p> <p>Độ ổn định: Bộ xét nghiệm ổn định tại 2-8oC trong 12 tháng.</p> <p>Xét nghiệm ELISA Clonorchis là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện các kháng thể với Clonorchis, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử</p> <p>Dài vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên Clonorchis SEP - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dài vi giếng.</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh tho dương tính đã được pha loãng</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Đệm rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Dung dịch đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100; Tổng thời gian ủ 50 phút</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450nm</p> <p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: 92%</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2
111	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis	<p>Xét nghiệm ELISA Clonorchis là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện các kháng thể với Clonorchis, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử</p> <p>Dài vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên Clonorchis SEP - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dài vi giếng.</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh tho dương tính đã được pha loãng</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Đệm rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Dung dịch đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100; Tổng thời gian ủ 50 phút</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450nm</p> <p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: 92%</p> <p>Xét nghiệm Gnathostoma ELISA là xét nghiệm miễn dịch bán định lượng để dò tìm kháng thể Gnathostoma trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử</p> <p>Dài vi giếng: Vi giếng chứa kháng nguyên Gnathostoma - 96 giếng thử trong một khay giữ.</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein A liên hợp với Peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh tho dương tính đã được pha loãng.</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người âm tính đã được pha loãng.</p> <p>Cơ chất: Một (1) chai chứa 11 ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB))</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Một (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) chai chứa 11ml acid Phosphoric 1M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100; Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng</p> <p>Âm tính - 0.0 - 0.2 đơn vị OD</p> <p>Dương tính - ≥ 0.5 đơn vị OD</p> <p>Độ nhạy: 93%</p> <p>Độ đặc hiệu: 100%</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2
112	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma	<p>Xét nghiệm Gnathostoma ELISA là xét nghiệm miễn dịch bán định lượng để dò tìm kháng thể Gnathostoma trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử</p> <p>Dài vi giếng: Vi giếng chứa kháng nguyên Gnathostoma - 96 giếng thử trong một khay giữ.</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein A liên hợp với Peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh tho dương tính đã được pha loãng.</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người âm tính đã được pha loãng.</p> <p>Cơ chất: Một (1) chai chứa 11 ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB))</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Một (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) chai chứa 11ml acid Phosphoric 1M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100; Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng</p> <p>Âm tính - 0.0 - 0.2 đơn vị OD</p> <p>Dương tính - ≥ 0.5 đơn vị OD</p> <p>Độ nhạy: 93%</p> <p>Độ đặc hiệu: 100%</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2
113	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus	<p>Xét nghiệm ELISA Paragonimus là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện các kháng thể với Paragonimus, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Dài vi giếng: Vi khay có chứa kháng nguyên Paragonimus - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dài vi giếng</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh tho dương tính đã được pha loãng.</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB)</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100; Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450nm</p> <p>Độ nhạy: 95%</p> <p>Độ đặc hiệu: 100%</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2



Handwritten signature or mark.

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
114	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Ascaris	<p>Xét nghiệm Ascaris ELISA là một xét nghiệm miễn dịch enzyme bán định lượng để phát hiện kháng thể IgM của Ascaris, trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Test Strips: Vi giếng chứa kháng nguyên Ascaris - 96 giếng thử trong một khung giữ.</p> <p>Enzyme Conjugate: Một (1) chai chứa 11ml anti-human IgM (đặc hiệu chuỗi μ) liên hợp với Peroxidase.</p> <p>Positive Control: Một (1) lọ chứa 2 ml dịch chủng dương thay thế đã pha loãng.</p> <p>Negative Control: Một (1) lọ chứa 2ml huyết thanh đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Wash Concentrate (20X): Một (2) chai chứa 25ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Dilution Buffer: Hai (2) chai chứa 30ml dung dịch protein đệm với RF Absorbent.</p> <p>Stop Solution: Một (1) chai chứa 11ml acid Phosphoric 1M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị mong đợi cho các chủng là:</p> <p>Chủng âm - 0.0 đến 0.2 OD đơn vị</p> <p>Dương tính - 0.5 OD đơn vị trở lên</p> <p>Xét nghiệm ELISA Clonorchis là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện các kháng thể với Clonorchis, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Dãi vi giếng: Vi giếng chứa kháng nguyên Clonorchis SEP - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dãi vi giếng.</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml IgM người (đặc hiệu chuỗi μ) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chủng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chất đánh dấu thay thế.</p> <p>Chủng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Đệm rửa đậm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Dung dịch đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị mong đợi cho các chủng là:</p> <p>Chủng âm - 0.0 đến 0.2 OD đơn vị</p> <p>Dương tính - 0.5 OD đơn vị trở lên</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2
115	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Clonorchis	<p>Xét nghiệm ELISA Fasciola là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện kháng thể IgM với Fasciola, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Dãi vi giếng: Vi giếng chứa kháng nguyên tái tổ hợp Fasciola - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dãi vi giếng</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chủng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chủng dương đại diện đã pha loãng</p> <p>Chủng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB)</p> <p>Dung dịch rửa đậm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm rửa đậm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2
116	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Fasciola	<p>Xét nghiệm ELISA Fasciola là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện kháng thể IgM với Fasciola, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Dãi vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên tái tổ hợp Fasciola - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dãi vi giếng</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chủng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chủng dương đại diện đã pha loãng</p> <p>Chủng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB)</p> <p>Dung dịch rửa đậm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm rửa đậm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
117	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Gnathostoma	<p>Xét nghiệm Gnathostoma ELISA là xét nghiệm miễn dịch bán định lượng để đo tìm kháng thể Gnathostoma trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Đai vi giếng: Vi giếng chứa kháng nguyên Gnathostoma – 96 giếng thử trong một khung giếng.</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml Protein A liên hợp với Peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh thử dương tính đã được pha loãng.</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người âm tính đã được pha loãng.</p> <p>Cơ chất: Một (1) chai chứa 11 ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Một (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) chai chứa 11ml acid Phosphoric 1M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng</p> <p>Âm tính - 0.0 - 0.2 đơn vị OD</p> <p>Dương tính - ≥ 0.5 đơn vị OD</p> <p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: 100%</p> <p>Xét nghiệm ELISA Paragonimus là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện các kháng thể đối với Paragonimus, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Đai vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên Paragonimus - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa đai vi giếng</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chứng dương đại diện đã pha loãng</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm rửa đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng là</p> <p>Âm tính - 0.0 đến 0.2 đơn vị OD</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2
118	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Paragonimus	<p>Xét nghiệm ELISA Strongyloides là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện kháng thể IgM với Strongyloides, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Đai vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên Strongyloides L3 - 96 giếng xét nghiệm</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chứng dương đại diện đã pha loãng</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm rửa đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng là</p> <p>Âm tính - 0.0 đến 0.2 đơn vị OD</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2
119	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Strongyloides	<p>Xét nghiệm ELISA Strongyloides là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện kháng thể IgM với Strongyloides, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Đai vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên Strongyloides L3 - 96 giếng xét nghiệm</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chứng dương đại diện đã pha loãng</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm rửa đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng là</p> <p>Âm tính - 0.0 đến 0.2 đơn vị OD</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
120	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Cysticercosis (T. solium)	<p>Xét nghiệm ELISA Cysticercosis (T. solium) là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện các kháng thể IgM với Cysticercosis (T. solium), trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Dãi vi giếng: Các vi giếng có chứa kháng nguyên thô Cysticercosis (T. solium) - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dãi vi giếng.</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chứng dương đại diện pha loãng.</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng là:</p> <p>Âm tính - 0,0 đến 0,2 đơn vị OD</p> <p>Xét nghiệm Toxocara ELISA là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện kháng thể IgM với Toxocara, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Dãi xét nghiệm: Vi giếng chứa kháng nguyên Toxocara Bài tiết - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dãi vi giếng</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml dịch chứng dương đại diện đã pha loãng.</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Đệm rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm</p> <p>Đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng là:</p> <p>Âm tính - 0,0 đến 0,2 đơn vị OD</p> <p>Dương tính - 0,5 đơn vị OD trở lên</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2
121	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Toxocara	<p>Xét nghiệm Trichinella ELISA là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện kháng thể IgM với Trichinella, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Dãi vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên bài tiết Trichinella - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dãi vi giếng</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chứng dương đại diện đã pha loãng</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm rửa đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng là:</p> <p>Âm tính - 0,0 đến 0,2 đơn vị OD</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	5
122	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Trichinella	<p>Xét nghiệm Trichinella ELISA là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện kháng thể IgM với Trichinella, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần thuốc thử:</p> <p>Dãi vi giếng: Vi giếng có chứa kháng nguyên bài tiết Trichinella - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dãi vi giếng</p> <p>Enzyme liên hợp: Một (1) chai chứa 11 ml kháng thể IgM người (μ đặc hiệu chuỗi) liên hợp với peroxidase.</p> <p>Chứng dương: Một (1) lọ chứa 2 ml chứng dương đại diện đã pha loãng</p> <p>Chứng âm: Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>Chromogen: Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>Dung dịch rửa đệm đặc (20X): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm rửa đệm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>Bộ đệm pha loãng: Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm với Chất hấp thụ RF.</p> <p>Dung dịch dừng: Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng (15-25oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giá trị dự kiến cho các chứng là:</p> <p>Âm tính - 0,0 đến 0,2 đơn vị OD</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
123	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HAV	<p>Xét nghiệm miễn dịch Enzyme cạnh tranh (ELISA) cho phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan A trong huyết thanh và huyết tương người. Bộ xét nghiệm này được sử dụng cho theo dõi bệnh nhân nhiễm HAV</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Khay vi giếng có 12 x 8 vi giếng có thể bẻ được, phủ HAV đã tinh sạch và bất hoạt, niêm phong vào túi với chất hút ẩm. - Chủng âm: 1x4.0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chủng âm được đánh mã màu vàng nhạt. - Chủng dương: 1x4.0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chủng âm được đánh mã màu xanh lá. - Chất hiệu chuẩn: 1 lọ. Đóng khô. Pha với nước tinh khiết như trên nhãn. Có chứa protein huyết thanh bò, kháng thể kháng HAV nồng độ khoảng 100 WHO mIU/ml, 10 mM đệm phospat pH 7,4 +/-0,1, 0,02% gentamicine sulphat và 0,1% Kathon GC để bảo quản. - Đệm rửa đậm đặc: 1x60 ml/chai. Dung dịch đậm đặc 20X. - Enzyme liên hợp: 1 x16 ml/lo. Dung dịch sẵn sàng sử dụng. Chứa Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể đa đặc hiệu với HAV, 10 mM đệm Tris pH 6,8 +/-0,1, 2% BSA, 0,1% Kathon GC và 0,02% gentamicine sulphat để bảo quản. Thuốc thử được đánh mã màu đỏ. - Chất tạo màu/ cơ chất: 1x16 ml/lo. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphat pH 3,5- 3,8, 0,03% tetra-methyl-benzidine (hay TMB) và 0,02% hydrogen peroxide (hay H2O2). - Chất pha loãng mẫu: 1x8 ml. Thuốc thử được đánh mã màu xanh lá đậm. - Acid sulfuric: 1x15 ml/lo. Chứa dung dịch H2SO4 0,3 M. - Tấm phủ khay - Bộ thuốc định lượng chuẩn: 5x2,0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng và có mã màu theo các mức định lượng chuẩn: 0-5-10-50-100 WHO mIU/ml, (CAL1=0mIU/ml, CAL2=5mIU/ML, CAL3=10mIU/ml, CAL4=50mIU/ml, CAL5=100mIU/ml). Chứa protein huyết thanh, 0,3 mg/ml gentamicine sulphat và 0,1% Kathon GC để bảo quản. Chất hiệu chuẩn có mã màu xanh dương <p>Tổng thời gian 120 phút ở 37oC và 20 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Độ nhạy phát hiện: < 10 WHO mIU/ml hoặc < 5 PEI mIU/ml</p> <p>Độ nhạy chẩn đoán: 100%</p> <p>Xét nghiệm miễn dịch Enzyme (ELISA) cho phát hiện kháng thể lớp IgM kháng virus viêm gan A trong huyết thanh và huyết tương người. Bộ xét nghiệm này được sử dụng cho phát hiện tác nhân virus gây viêm gan và theo dõi nhiễm giai đoạn cấp.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Một tấm vi giếng có thể bẻ rời 12x8 giếng, phủ kháng thể kháng IgM người đã được tinh sạch. - Chủng âm: 1x4.0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chủng âm không có mẫu. - Chủng dương: 1x4.0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chủng âm có màu xanh lá. - Chất hiệu chuẩn: 1 lọ. Đóng khô. Pha với nước tinh khiết EIA như trên nhãn. Có chứa kháng thể IgM anti HAV, 2% BSA, 10 mM đệm tris pH 6,0 +/-0,1, 0,09% natri azid và 0,1% Kathon GC để bảo quản. - Đệm rửa đậm đặc: 1x60 ml/chai. Dung dịch đậm đặc 20X. - Enzyme liên hợp 20X: 1 x0,8 ml/lo. Dung dịch đậm đặc 20X. Chứa Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể đa đặc hiệu với HAV, 10 mM đệm Tris pH 6,8 +/-0,1, 2% BSA, 0,1% Kathon GC và 0,02% gentamicine sulphate để bảo quản. - Kháng nguyên HAV: 1 x16 ml/lo. Dung dịch sẵn sàng sử dụng. Chứa HAV tinh sạch và ổn định, 10 mM đệm Tris pH 6,8 +/-0,1, 2% BSA, 0,1% Kathon GC và 0,02% gentamicine sulphate để bảo quản. Lọ có màu đỏ. - Chất pha loãng mẫu: 2x60 ml/lo. Dung dịch đệm protein để pha loãng mẫu. Lọ có màu xanh dương. - Chất tạo màu/ Cơ chất: 1x16 ml/lo. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphat pH 3,5- 3,8, 0,03% tetra-methyl-benzidine (hay TMB) và 0,02% hydrogen peroxide (hay H2O2). - Acid sulfuric: 1x15 ml/lo. Chứa dung dịch H2SO4 0,3 M. - Tấm dán khay <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ở 120 phút ở 37oC và 20 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Độ nhạy chẩn đoán: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu chẩn đoán: >98%</p> <p>Độ ổn định: ổn định ở 2-8oC trong 15 tháng.</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	20
124	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể IgM kháng HAV	<p>Xét nghiệm miễn dịch Enzyme (ELISA) cho phát hiện kháng thể lớp IgM kháng virus viêm gan A trong huyết thanh và huyết tương người. Bộ xét nghiệm này được sử dụng cho phát hiện tác nhân virus gây viêm gan và theo dõi nhiễm giai đoạn cấp.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Một tấm vi giếng có thể bẻ rời 12x8 giếng, phủ kháng thể kháng IgM người đã được tinh sạch. - Chủng âm: 1x4.0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chủng âm không có mẫu. - Chủng dương: 1x4.0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chủng âm có màu xanh lá. - Chất hiệu chuẩn: 1 lọ. Đóng khô. Pha với nước tinh khiết EIA như trên nhãn. Có chứa kháng thể IgM anti HAV, 2% BSA, 10 mM đệm tris pH 6,0 +/-0,1, 0,09% natri azid và 0,1% Kathon GC để bảo quản. - Đệm rửa đậm đặc: 1x60 ml/chai. Dung dịch đậm đặc 20X. - Enzyme liên hợp 20X: 1 x0,8 ml/lo. Dung dịch đậm đặc 20X. Chứa Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể đa đặc hiệu với HAV, 10 mM đệm Tris pH 6,8 +/-0,1, 2% BSA, 0,1% Kathon GC và 0,02% gentamicine sulphate để bảo quản. - Kháng nguyên HAV: 1 x16 ml/lo. Dung dịch sẵn sàng sử dụng. Chứa HAV tinh sạch và ổn định, 10 mM đệm Tris pH 6,8 +/-0,1, 2% BSA, 0,1% Kathon GC và 0,02% gentamicine sulphate để bảo quản. Lọ có màu đỏ. - Chất pha loãng mẫu: 2x60 ml/lo. Dung dịch đệm protein để pha loãng mẫu. Lọ có màu xanh dương. - Chất tạo màu/ Cơ chất: 1x16 ml/lo. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphat pH 3,5- 3,8, 0,03% tetra-methyl-benzidine (hay TMB) và 0,02% hydrogen peroxide (hay H2O2). - Acid sulfuric: 1x15 ml/lo. Chứa dung dịch H2SO4 0,3 M. - Tấm dán khay <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ở 120 phút ở 37oC và 20 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Độ nhạy chẩn đoán: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu chẩn đoán: >98%</p> <p>Độ ổn định: ổn định ở 2-8oC trong 15 tháng.</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	40

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
125	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng kháng nguyên lõi Vi rút Hepatitis B	<p>Xét nghiệm miễn dịch Enzyme cạnh tranh (ELISA) cho phát hiện kháng thể kháng kháng nguyên lõi virus viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người</p> <p>Bộ xét nghiệm này được sử dụng cho sàng lọc các đơn vị máu theo dõi bệnh nhân nhiễm HBV.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Khay vi giếng có 12 x 8 vi giếng bé được phủ HBc Ag tái tổ hợp và được đóng gói vào túi với chất hút ẩm. - Chủng âm: 1x1,0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chủng âm có màu vàng nhạt. - Chủng dương: 1x1,0 ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chủng âm có màu xanh lá. - Chất hiệu chuẩn: 1 lọ. Đóng khô. Pha với nước tinh khiết EIA như trên nhãn. Có chứa huyết thanh bò, kháng thể người kháng HBcAg nồng độ 2 PEI U/ml +/-10% (được hiệu chuẩn trên mẫu chuẩn PEI HBc 82) và 0,1% Kathon GC để bảo quản. - Dệm rửa đậm đặc: 1x60 ml/chai. Dung dịch đậm đặc 20X. - Enzyme liên hợp: 1x16 ml/lo. Dung dịch sẵn sàng sử dụng. Chứa 5% albumin huyết thanh bò, 10 mM đệm Tris pH 6,8 +/-0,1; Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể đa dòng chuột kháng HbcAg; 0,3 mg/ml gentamicine sulphate và 0,1% Kathon GC để bảo quản. Thuốc thử màu đỏ. - Chất tạo máu/ Cơ chất: 1x16 ml/lo. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphate pH 3,6 +/-0,1; 0,33% tetra-methyl-benzidine (TMB), 0,02% hydrogen peroxide (hay H2O2) và 4% dimethylsulphoxide. - Chất pha loãng mẫu: 4x3 ml/lo. Chứa 10 mM đệm Tris pH 8,0 +/-0,1; 0,1% Kathon GC để tiến xử lý mẫu và chủng trong khay, khóa chất gây nhiễm. - Acid sulfuric: 1x15 ml/lo. Chứa dung dịch H2SO4 0,3 M. - Tấm phủ khay vi giếng: 2 khay <p>Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 20 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm.</p> <p>Độ nhạy khoảng 1,25 PEI U/ml.</p> <p>Độ nhạy chẩn đoán: > 94,9%</p> <p>Độ đặc hiệu chẩn đoán: > 100%</p> <p>Độ ổn định: tại 2-8oC trong 15 tháng</p> <p>Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) thế hệ thứ 3 dùng để xác định kháng thể IgG kháng virus Viêm gan E trong huyết tương và huyết thanh người.</p> <p>Bộ xét nghiệm được dùng để theo dõi tình trạng nhiễm HEV của các bệnh nhân.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Khay vi giếng có thể bé với 12x8 giếng, được phủ kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu với HEV. - Chủng âm: 1 x 4 ml/lo. Có thể dùng ngay. Lọ chủng âm này có màu xanh ó liu - Chủng dương: 1 x 4 ml/lo. Có thể dùng ngay. Lọ chủng dương có màu xanh dương - Chất hiệu chuẩn: 1 Lọ định chuẩn được đóng khô. Pha loãng với nước cất 2 lần theo đúng; thể tích đã ghi trên nhãn. - Dệm rửa đậm đặc: 1 x 60ml/chai. Nồng độ 20x. - Enzyme liên hợp: 1 x 16ml/lo. Có thể dùng ngay và có màu đỏ. Chứa Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể đa dòng kháng IgM người, 5% BSA, 10mM đệm Tris pH 6,8 +/- 0,1; 0,1% Kathon GC 0,02% gentamicine sulphate làm chất bảo quản - Chất tạo máu/ Cơ chất: 1 x 16ml/lo. Có thể dùng ngay. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphate pH 3,5-3,8; 4% dimethylsulphoxide, 0,03% tetra-methyl-benzidine hay (TMB) và 0,02% hydrogen peroxide hay H2O2 - Chất pha loãng xét nghiệm: 1x8ml/lo. 10 mM đệm Tris pH 8,0 +/-0,1 chứa 0,1% Kathon GC cho tiến xử lý mẫu và các chất chống trong các giếng, ngăn chặn sự can thiệp. - Acid sulfuric: 1 x 15ml/lo. Chứa 0,3M dung dịch H2SO4 - Chất pha loãng mẫu: 1 x 50ml/lo. 10mM đệm Tris pH 7,4 +/- 0,1; được đề nghị sử dụng để theo dõi sự tiêm ngừa vắc-xin. Chứa 0,09 % natri azid như là chất bảo quản. Được sử dụng để pha loãng mẫu. - Tấm dán khay: 2 cái <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:21; Tổng thời gian ủ 90 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giới hạn phát hiện: 0,1 WHO IU/ml.</p> <p>Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100%</p> <p>Độ nhạy chẩn đoán: 100%</p> <p>Độ chính xác: Giá trị trong khoảng từ 5-10% tùy vào kết quả OD450nm đo được. Độ biến thiên này được quan sát thấy là không cho kết quả xét nghiệm sai.</p> <p>Độ ổn định: tại 2-8oC trong 15 tháng</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	5
126	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng vi rút Hepatitis E	<p>Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) thế hệ thứ 3 dùng để xác định kháng thể IgG kháng virus Viêm gan E trong huyết tương và huyết thanh người.</p> <p>Bộ xét nghiệm được dùng để theo dõi tình trạng nhiễm HEV của các bệnh nhân.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Khay vi giếng có thể bé với 12x8 giếng, được phủ kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu với HEV. - Chủng âm: 1 x 4 ml/lo. Có thể dùng ngay. Lọ chủng âm này có màu xanh ó liu - Chủng dương: 1 x 4 ml/lo. Có thể dùng ngay. Lọ chủng dương có màu xanh dương - Chất hiệu chuẩn: 1 Lọ định chuẩn được đóng khô. Pha loãng với nước cất 2 lần theo đúng; thể tích đã ghi trên nhãn. - Dệm rửa đậm đặc: 1 x 60ml/chai. Nồng độ 20x. - Enzyme liên hợp: 1 x 16ml/lo. Có thể dùng ngay và có màu đỏ. Chứa Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể đa dòng kháng IgM người, 5% BSA, 10mM đệm Tris pH 6,8 +/- 0,1; 0,1% Kathon GC 0,02% gentamicine sulphate làm chất bảo quản - Chất tạo máu/ Cơ chất: 1 x 16ml/lo. Có thể dùng ngay. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphate pH 3,5-3,8; 4% dimethylsulphoxide, 0,03% tetra-methyl-benzidine hay (TMB) và 0,02% hydrogen peroxide hay H2O2 - Chất pha loãng xét nghiệm: 1x8ml/lo. 10 mM đệm Tris pH 8,0 +/-0,1 chứa 0,1% Kathon GC cho tiến xử lý mẫu và các chất chống trong các giếng, ngăn chặn sự can thiệp. - Acid sulfuric: 1 x 15ml/lo. Chứa 0,3M dung dịch H2SO4 - Chất pha loãng mẫu: 1 x 50ml/lo. 10mM đệm Tris pH 7,4 +/- 0,1; được đề nghị sử dụng để theo dõi sự tiêm ngừa vắc-xin. Chứa 0,09 % natri azid như là chất bảo quản. Được sử dụng để pha loãng mẫu. - Tấm dán khay: 2 cái <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:21; Tổng thời gian ủ 90 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Giới hạn phát hiện: 0,1 WHO IU/ml.</p> <p>Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100%</p> <p>Độ nhạy chẩn đoán: 100%</p> <p>Độ chính xác: Giá trị trong khoảng từ 5-10% tùy vào kết quả OD450nm đo được. Độ biến thiên này được quan sát thấy là không cho kết quả xét nghiệm sai.</p> <p>Độ ổn định: tại 2-8oC trong 15 tháng</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
127	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Hepatitis E	<p>Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) dùng để xác định kháng thể IgM của virus viêm gan E trong huyết tương và huyết thanh người.</p> <p>Bộ xét nghiệm được dùng để theo dõi tình trạng nhiễm HEV của các bệnh nhân.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: Khay vi giếng có thể bỏ rời 12x8 giếng, được phủ kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu với HEV. - Chứng âm: 1 x 4 ml/lo. Có thể dùng ngay. Lo chứng âm này có màu xanh ô liu - Chứng dương: 1 x 4 ml/lo. Có thể dùng ngay. Lo chứng dương có màu xanh dương - Đệm rửa đệm đặc: 1 x 60ml/chai. Nồng độ 20x. - Enzyme liên hợp: 1 x 16ml/lo. Có thể dùng ngay và có màu đỏ - Chất tạo màu/ Cơ chất: 1 x 16ml/lo. Có thể dùng ngay. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphat pH 3,5-3,8; 4% dimethylsulphoxide; 0,03% tetra-methyl-benzidine hay (TMB) và 0,02% hydrogen peroxide hay H2O2. - Acid sulfuric: 1 x 15ml/lo. Bao gồm 0,3M dung dịch H2SO4 - Dung dịch pha loãng mẫu: 1 x 80ml/lo. 10mM dung dịch đệm Tris pH 7,4 ± 0,1; được để nghỉ sử dụng để theo dõi sự nhiễm giữa vắc-xin. Chứa 0,09% natri azid như là chất bảo quản. Được sử dụng để pha loãng mẫu. - Thuốc thử trung hòa: 1 x 8ml/lo. Sẵn sàng sử dụng. Chứa kháng thể để kháng IgG; 2% casein; 10 mM Na-citrate đệm pH 6,0 +/-0,1; 0,1% Tween 20; 0,09% Natri azid và 0,1% Kathon GC như là chất bảo quản. - Tấm dán khay: 2 cái <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 20 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Độ nhạy phân tích khoảng 0.1 WHO IU/ml</p> <p>Độ nhạy chẩn đoán: ≥ 98%</p> <p>Độ đặc hiệu chẩn đoán: ≥ 98%</p> <p>Độ chính xác: Giá trị CV trong khoảng từ 5-15% tuỳ vào kết quả OD450nm đo được.</p> <p>Độ biến thiên này được quan sát thấy là không cho kết quả xét nghiệm sai.</p> <p>Độ ổn định: ổn định ở 2-8oC trong 15 tháng</p> <p>Độ ổn định: tại 2-8oC trong 15 tháng</p> <p>Bộ xét nghiệm miễn dịch Enzyme (ELISA) cho phát hiện định lượng/định tính kháng thể IgM kháng kháng nguyên lõi virus viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người với hệ thống "Capture".</p> <p>Bộ xét nghiệm này được sử dụng cho phân loại tác nhân virus và theo dõi bệnh nhân khi điều trị.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: 12 thanh x 8 vi giếng bé được, phủ kháng kháng thể đơn dòng chuột đặc hiệu IgM người tinh sạch, được phủ với protein huyết thanh bò. - Bộ chất đựng đường chuẩn: 6x2,0 ml/ lo. Sẵn sàng sử dụng và được đánh mã màu theo đường chuẩn được hiệu chỉnh trên HBeIgM tham khảo cung cấp bởi Paul Erlich Institute (HBe-Referenzserum-IgM 84), khoảng nồng độ: CAL1 = 0 U/ml // CAL2 = 5 U/ml // CAL3 = 10 U/ml // CAL4 = 20 U/ml // CAL 5 = 50 U/ml // CAL 6 = 100 U/ml. Bộ chất đựng đường chuẩn được tạo màu với thuốc nhuộm thực phẩm xanh dương. - Dung dịch rửa đệm đặc: 1x60 ml/chai. Dung dịch đệm đặc 20X. - Enzyme liên hợp: 1x16,0 ml/lo. Dung dịch sẵn sàng sử dụng. Chứa phức hợp miễn dịch của kháng thể đơn dòng chuột đặc hiệu, đánh dấu Horseradish peroxidase, và HBeAg tái tổ hợp tinh sạch. Thuốc thử hòa tan trong dung dịch đệm 10 mM Tris pH 6,8 +/-0,1, 2% BSA, 0,1% Kathon GC và 0,02% gentamicine sulphate để bảo quản. <p>Thuốc thử có màu đỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch pha loãng mẫu: 2x60,0 ml/lo. Dung dịch đệm cho pha loãng mẫu. Chứa 100 mM dung dịch đệm Tris pH 7,4 +/-0,1, 0,5% Tween 20, 2% Casein, 0,1% Kathon GC và 0,09% NaN3 để bảo quản. Hòa chất có màu xanh dương. - Huyết thanh chứng: 1 lọ. Đóng khô. Chứa huyết thanh nhau thai bò, huyết tương người dương tính HbeIgM người đã hiệu chuẩn tại 20 ± 10% PEI U/ml, 0,2 mg/ml gentamicine sulphate và 0,1% Kathon GC để bảo quản. - Chất tạo màu/ Cơ chất: 1x16 ml/lo. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphate pH 3,5-3,8, 4% dimethylsulphoxide, 0,03% tetra-methyl-benzidine (hay TMB) và 0,02% hydrogen peroxide (hay H2O2) - Acid sulfuric: 1x15 ml/lo. Chứa dung dịch H2SO4 0,3 M. - Tấm dán khay: 2 cái <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 20 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Độ nhạy lâm sàng: > 98%</p> <p>Độ đặc hiệu lâm sàng: > 98%</p> <p>Độ ổn định: tại 2-8 oC trong 15 tháng</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	40
128	Thuốc thử xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgM kháng kháng nguyên lõi Vi rút Hepatitis B	<p>Thuốc thử có màu đỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch pha loãng mẫu: 2x60,0 ml/lo. Dung dịch đệm cho pha loãng mẫu. Chứa 100 mM dung dịch đệm Tris pH 7,4 +/-0,1, 0,5% Tween 20, 2% Casein, 0,1% Kathon GC và 0,09% NaN3 để bảo quản. Hòa chất có màu xanh dương. - Huyết thanh chứng: 1 lọ. Đóng khô. Chứa huyết thanh nhau thai bò, huyết tương người dương tính HbeIgM người đã hiệu chuẩn tại 20 ± 10% PEI U/ml, 0,2 mg/ml gentamicine sulphate và 0,1% Kathon GC để bảo quản. - Chất tạo màu/ Cơ chất: 1x16 ml/lo. Chứa 50 mM đệm citrate-phosphate pH 3,5-3,8, 4% dimethylsulphoxide, 0,03% tetra-methyl-benzidine (hay TMB) và 0,02% hydrogen peroxide (hay H2O2) - Acid sulfuric: 1x15 ml/lo. Chứa dung dịch H2SO4 0,3 M. - Tấm dán khay: 2 cái <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 20 phút ở nhiệt độ phòng (18-24oC)</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm</p> <p>Độ nhạy lâm sàng: > 98%</p> <p>Độ đặc hiệu lâm sàng: > 98%</p> <p>Độ ổn định: tại 2-8 oC trong 15 tháng</p>	96 Tests/Hộp	Hộp	5

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
129	Xét nghiệm kháng thể IgM trong huyết thanh người kháng với kháng nguyên tái tổ hợp được dẫn xuất từ JEV	<p>Xét nghiệm dùng cho phát hiện các kháng thể IgM trong huyết thanh người kháng với kháng nguyên tái tổ hợp được dẫn xuất từ JEV (JEV-derived recombinant antigen - JERA) (1-4).</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh vi giếng: 96 giếng. Anti- IgM người được phủ trên các giếng được dùng như kháng; thể bắt từ các mẫu của người. - Đệm pha loãng mẫu cho IE IgM tuyp A: 1 chai, 25 ml., cho giai đoạn pha loãng huyết thanh trong xét nghiệm. - Chủng âm JE: 1 lọ 50 µL. - Chủng dương JE: 1 lọ 50 µL. - Kháng nguyên JE sẵn sàng sử dụng (JERA) cho IgM: 1 lọ (3 ml) dung dịch JERA đã pha loãng. - Kháng nguyên tế bào hình thoi (NCA) với IgM đã sẵn sàng sử dụng: 1 ống (5 ml) dung dịch NCA đã pha loãng - Enzyme liên hợp HRP với IgM sẵn sàng để sử dụng: 1 lọ, 9 mL, HRP liên hợp kháng thể đơn dòng (mAb) phản ứng với flavirus đã pha loãng. - Đệm rửa 10X: 1 chai, 120 mL. - EnWash: 1 lọ, 20 mL. - Cơ chất TMB lỏng: 1 chai, 9 mL. - Dung dịch dừng phản ứng: 1 lọ, 6 mL. <p>Tổng thời gian ủ 3 giờ ở 37oC và 5 phút ở nhiệt độ phòng. Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm.</p> <p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: 100%</p> <p>Không có phản ứng chéo với các yếu tố RF, ANA, CMV, EBV, VZV, HBV, HCV.</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi RF nồng độ cao (860 – 5630 IU)</p> <p>Độ ổn định: ổn định tại 2-8 oC trong 12 tháng</p> <p>Xét nghiệm SERION ELISA classic Measles/Measles Virus IgG là các xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể của người trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng lại Virus Sởi</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 405nm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy lâm sàng: > 99% - Độ đặc hiệu lâm sàng: 95,0% - Độ chụm nội xét nghiệm: 2,9%, 1,9%, 1,7% - Độ chụm liên xét nghiệm: 3,6%, 5,9%, 5,5% - Độ ổn định: ổn định tại 2-8 oC trong 22 tháng 	96 Tests/Hộp	Hộp	1
130	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại virus sởi	<p>Xét nghiệm SERION ELISA classic Measles/Measles Virus IgG là các xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể của người trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng lại Virus Sởi</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 405nm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy lâm sàng: > 99% - Độ đặc hiệu lâm sàng: >99,0% - Độ chụm nội xét nghiệm: 1,9%, 2,1%, 2,8% - Độ chụm liên xét nghiệm: 9,3%, 5,2%, 5,2% - Độ ổn định: ổn định tại 2-8 oC trong 22 tháng 	96 Tests/Hộp	Hộp	1
131	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại virus sởi	<p>Xét nghiệm SERION ELISA classic Mumps Virus IgG là xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể người kháng virus quai bị (Mumps Virus) trong huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 405nm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy lâm sàng: >99,0 % - Độ đặc hiệu lâm sàng: 98,2 % - Độ chụm nội xét nghiệm: 2,4%, 4,7%, 2,9% - Độ chụm liên xét nghiệm: 9,5%, 6,8%, 6,2% 	96 Tests/Hộp	Hộp	1
132	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại virus quai bị	<p>Xét nghiệm SERION ELISA classic Mumps Virus IgM là xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể người kháng virus quai bị (Mumps Virus) trong huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 405nm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy lâm sàng: 99,0 % - Độ đặc hiệu lâm sàng: 97,6 % - Độ chụm nội xét nghiệm: 4,7%, 4,1%, 6,3% - Độ chụm liên xét nghiệm: 2,9%, 6,5%, 4,9% - Độ ổn định: ổn định tại 2-8 oC trong 22 tháng 	96 Tests/Hộp	Hộp	1
133	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại virus quai bị	<p>Xét nghiệm SERION ELISA classic Mumps Virus IgG là xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể người kháng virus quai bị (Mumps Virus) trong huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng</p> <p>Đọc kết quả ở bước sóng 405nm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy lâm sàng: 99,0 % - Độ đặc hiệu lâm sàng: 97,6 % - Độ chụm nội xét nghiệm: 4,7%, 4,1%, 6,3% - Độ chụm liên xét nghiệm: 2,9%, 6,5%, 4,9% - Độ ổn định: ổn định tại 2-8 oC trong 22 tháng 	96 Tests/Hộp	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
134	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại virus thủy đậu	Xét nghiệm SERION ELISA classic Varicella-Zoster Virus IgG là xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể kháng virus Varicella- Zoster trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC Đọc kết quả ở bước sóng 405nm - Độ nhạy lâm sàng: 98.9% - Độ đặc hiệu lâm sàng: >99% - Độ chụm nội xét nghiệm: 2.8%, 9.2%, 2.5% - Độ chụm liên xét nghiệm: 3.8%, 3.7%, 2.7% - Độ ổn định: ổn định tại 2-8 oC trong 22 tháng	96 Tests/Hộp	Hộp	1
135	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại virus thủy đậu	Xét nghiệm SERION ELISA classic Varicella-Zoster Virus IgM là xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể kháng virus Varicella- Zoster trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 405nm - Độ nhạy lâm sàng: >99% - Độ đặc hiệu lâm sàng: >99% - Độ chụm nội xét nghiệm: 2.0%, 2.4%, 1.7% - Độ chụm liên xét nghiệm: 5.3%, 4.6%, 2.4%	96 Tests/Hộp	Hộp	1
136	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại virus Herpes Simplex	Xét nghiệm SERION ELISA classic Herpes Simplex Virus 1/2 IgG là xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể người trong huyết thanh hoặc huyết tương người kháng lại virus Herpes Simplex Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC Đọc kết quả ở bước sóng 405nm Độ nhạy: 95.5% Độ đặc hiệu: 99.0% Độ chụm nội xét nghiệm: 2.7%, 2.2%, 2.2% Độ chụm liên xét nghiệm: 6.7%, 3.5%, 2.3% Độ ổn định: ổn định ở 2-8oC trong 22 tháng	96 Tests/Hộp	Hộp	1
137	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại virus Herpes Simplex	Xét nghiệm SERION ELISA classic Herpes Simplex Virus 1/2 IgM là xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể người trong huyết thanh hoặc huyết tương người kháng lại virus Herpes Simplex Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 405nm Độ nhạy: 95.7% Độ đặc hiệu: 94.3% Độ chụm nội xét nghiệm: 3.7%, 2.8%, 1.9% Độ chụm liên xét nghiệm: 5.9%, 6.0%, 5.8%	96 Tests/Hộp	Hộp	1
138	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại huyết thanh Adenovirus	Xét nghiệm SERION ELISA classic Adenovirus IgG là xét nghiệm miễn dịch định lượng để phát hiện các kháng thể của người trong huyết thanh hoặc huyết tương chống lại các kiểu huyết thanh adenovirus. Tỉ lệ pha loãng: 1:501, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm Độ nhạy: 92.6% Độ đặc hiệu: 91.3% Độ chụm nội xét nghiệm: 5.4%, 4.7%, 4.8% Độ chụm liên xét nghiệm: 7.2%, 8.3%, 9.3% Độ ổn định: ổn định 2-8oC trong 22 tháng	96 Tests/Hộp	Hộp	1
139	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại huyết thanh Adenovirus	Xét nghiệm SERION ELISA classic Adenovirus IgM là xét nghiệm miễn dịch định lượng để phát hiện các kháng thể của người trong huyết thanh hoặc huyết tương chống lại các kiểu huyết thanh adenovirus. Tỉ lệ pha loãng: 1:101. Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm Độ nhạy: >99% Độ đặc hiệu: 98.2% Độ chụm nội xét nghiệm: 3.8%, 1.3%, 1.3% Độ chụm liên xét nghiệm: 5.7%, 2.7%, 1.3% Độ ổn định: ổn định 2-8oC trong 22 tháng	96 Tests/Hộp	Hộp	1
140	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu cùn) chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	Đầu tip dẫn điện, 300 µl, khay, 96 tip/khay Vật liệu: PP - Polypropylene Kích thước tip: Chiều dài: 55.0 mm; Đổng tâm: ≤ 1.5	10x96tips/Hộp	Hộp	30
141	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu cùn) chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	Đầu tip dẫn điện, 1100 µl, khay, 96 tip/khay Vật liệu: PP - Polypropylene Kích thước tip: Chiều dài: 97.0 mm; Đổng tâm: ≤ 1.5	10x96tips/Hộp	Hộp	30

SST	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
151	Chủng khuẩn Escherichia coli ATCC® 25922™**	- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Thông số kỹ thuật: Que cấy chuẩn Escherichia coli ATCC® 25922™** - Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Thông số kỹ thuật: Que cấy chuẩn Escherichia coli ATCC® 25922™**	5 que/ Hộp	Que	5
152	Chủng khuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC® 29213™**	- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Thông số kỹ thuật: Que cấy chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC® 29213™** Môi trường chọn lọc nhằm phân lập các tác nhân staphylococci gây bệnh. Hầu hết các vi khuẩn khác bị ức chế, ngoại trừ một số loại ưa mặn. Môi trường dạng bột mịn, màu hồng rơm Thông số kỹ thuật: Thành phần (g/l): Lab-Lemco® powder 1.0, Peptone 10.0, Mannitol 10.0, Sodium chloride 75.0, Phenol red 0.025, Agar 15.0 pH: 7.5 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C Một môi trường phân biệt để xác định Enterobacteriaceae trên cơ sở lên men đường đôi và sản xuất hydro sulfua.	5 que/ Hộp	Que	5
153	Môi trường chọn lọc để phân lập staphylococci	Môi trường chọn lọc nhằm phân lập các tác nhân staphylococci gây bệnh. Hầu hết các vi khuẩn khác bị ức chế, ngoại trừ một số loại ưa mặn. Môi trường dạng bột mịn, màu hồng rơm Thông số kỹ thuật: Thành phần (g/l): Lab-Lemco® powder 1.0, Peptone 10.0, Mannitol 10.0, Sodium chloride 75.0, Phenol red 0.025, Agar 15.0 pH: 7.5 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C Một môi trường phân biệt để xác định Enterobacteriaceae trên cơ sở lên men đường đôi và sản xuất hydro sulfua.	Hộp 500g	Hộp	1
154	Kligler iron agar	Thành phần(g/l): Lab-Lemco® powder; Yeast extract; Peptone; Sodium chloride; Lactose; Glucose; Ferric citrate; Sodium thiosulphate; Phenol red; Agar. pH 7.4 ± 0.2 tại 25°C Môi trường lỏng để sử dụng xác định sơ bộ đối với coliforms trong nước, sữa, v.v. theo quy định của Hiệp hội Y tế Công cộng Hoa Kỳ. Môi trường dạng bột, màu rơm	Hộp 500g	Gam	500
155	Lactose Broth 500g	Thành phần (g/l): Lab-Lemco® powder 3.0, Peptone 5.0, Lactose 5.0 pH: 6.9 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C Một môi trường chọn lọc phân biệt đặc biệt giữa coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose với sự ức chế của vi khuẩn Gram dương. Môi trường phù hợp để phát hiện và định lượng coliform cũng như để phát hiện và phân lập các loài Salmonella và Shigella xuất hiện trong các mẫu bệnh phẩm và thực phẩm. Môi trường này giúp cải thiện sự khác biệt giữa coliform và các sinh vật lên men không lactose trong khi các cấu khuẩn Gram dương bị ức chế hoàn toàn. Môi trường dạng bột mịn, màu rơm	Hộp 500g	Gam	1.000
156	MacConkey Agar No.3	Môi trường chọn lọc phân biệt đặc biệt giữa coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose với sự ức chế của vi khuẩn Gram dương. Môi trường phù hợp để phát hiện và định lượng coliform cũng như để phát hiện và phân lập các loài Salmonella và Shigella xuất hiện trong các mẫu bệnh phẩm và thực phẩm. Môi trường này giúp cải thiện sự khác biệt giữa coliform và các sinh vật lên men không lactose trong khi các cấu khuẩn Gram dương bị ức chế hoàn toàn. Môi trường dạng bột mịn, màu rơm Thông số kỹ thuật: Thành phần (g/l): Peptone 20.0, Lactose 10.0, Bile salts No.3 1.5, Sodium chloride 5.0, Neutral red 0.03, Crystal violet 0.001, Agar 15.0 pH: 7.1 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C Môi trường thạch để phân biệt Enterobacteriaceae dựa trên việc sử dụng citrate làm nguồn carbon duy nhất	Hộp 500g	Gam	6.000
157	SIMMONS CITRATE AGAR	Thành phần (g/l): Magnesium sulphate; Ammonium dihydrogen phosphate; Sodium ammonium phosphate; Sodium citrate, tribasic Sodium chloride; Bromothymol blue; Agar pH 7.0 ± 0.2 25°C - Môi trường phân lập chọn lọc các Vibrio gây bệnh - Môi trường hoàn chỉnh, không cần bổ sung thêm phụ gia hoặc màu vô trùng - Môi trường dạng bột mịn, màu rơm/xanh lá	Hộp 500g	Gam	500
158	Thạch TCBS	Thông số kỹ thuật: - Thành phần (g/l): Yeast extract 5, Bacteriological peptone 10, Sodium thiosulphate 10, Sodium citrate 10, Ox Bile 8, Sucrose 20, Sodium chloride 10, Ferric citrate 1, Bromothymol blue 0.04, Thymol blue 0.04, agar 14 - pH 8.6 ± 0.2 tại 25°C	Hộp 500g	Hộp	1
159	Định lượng C3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C3, phương pháp miễn dịch đo độ đục, thành phần: Dung dịch đệm Tris (pH 7.2) 62 mmol/L, Polyethylene glycol 6000 1.6%, Goat anti-C3 antibodies Variable	4x10ml+4x8 ml	Hộp	0.5
160	Định lượng C4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C4; dải đo: 0.08-1.5 g/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch) Thành phần: Tris buffer (pH 7.2) 62 mmol/L, Polyethylene glycol 6000 1.6% w/v, Kháng thể (dê) kháng C4 nồng độ dao động, Chất bảo quản	4x10ml+4x8 ml	Hộp	0.5
161	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	Hóa chất chuẩn nhiều protein đặc biệt huyết thanh (C3, C4)	6x2ml	Hộp	1
162	Bóng đèn Halogen	Bóng đèn máy sinh hóa AU 5800 12V	1 pcs/box	Chiếc	3



Handwritten signature or mark.

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
163	Công phân ứng	Cuvette cho máy AU 5800, chất liệu thủy tinh vĩnh cửu, kích thước 4x5mm	10 pcs/box	Hộp	2
164	Que khuấy dạng L	Que khuấy dạng L được cấu tạo từ kim loại, có phủ teflon, dài 7,5cm dùng cho máy AU 5800	3 pcs/box	Hộp	2
165	Que khuấy dạng xoắn	Que khuấy dạng xoắn ốc được cấu tạo từ kim loại, có phủ teflon, dài 7,5cm dùng cho máy AU 5800	3 pcs/box	Hộp	3
166	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu máy AU, độ bền 150000 XN hoặc 18 tháng	1 chiếc/hộp	Chiếc	1
167	Công phân ứng	Cuvette cho máy AU 680, làm từ thủy tinh vĩnh cửu, kích thước 6x5mm	10 pcs/box	Hộp	1
168	Điện cực Clo	Điện cực chọn lọc ion clo máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	2
169	Điện cực Kali	Điện cực chọn lọc ion Kali máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	2
170	Bộ ống lấy bơm	Dây bơm máy khí máu Gastat 18xx	3 pcs/box	Túi	3
171	Điện cực Natri	Điện cực chọn lọc ion Natri máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	2
172	Điện cực Canxi	Điện cực chọn lọc ion Canxi máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	1
173	Điện cực pH	Điện cực đo pH máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	2
174	Vỏ điện cực tham chiếu	Vỏ điện cực tham chiếu. Tương thích với máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	2
175	Điện cực PO2	Điện cực đo phân áp Oxy máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	2
176	Điện cực pCO2	Điện cực đo phân áp CO2 máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	2
177	Cổng nạp mẫu	Cổng nạp mẫu máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	5
178	Ống dẫn mẫu	Ống dẫn cao su dùng cho máy khí máu Gastat 18xx	5 chiếc/ túi	Túi	1
179	Bộ ống lấy dẫn	Bộ các ống dây dịch máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Bộ	1
180	Lõi điện cực tham chiếu	Lõi điện cực tham chiếu. Tương thích với máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	2
181	Điện cực Hemoglobin	Điện cực Hb máy khí máu Gastat 18xx	1 pcs/box	Hộp	1
182	Thuốc thử xét nghiệm ProGRP	Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng ProGRP trong huyết tương và huyết thanh người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. Các thuốc thử trong hộp được đựng trong một bộ các chai sẵn sàng để sử dụng.	100 test	Hộp	6
183	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm ProGRP	ProGRP CalSet là huyết thanh ngựa đông khô chứa protein proGRP (tài tổ hợp từ E. coli) với hai khoảng nồng độ.	4 x 1ml	Hộp	1
184	Dung dịch rửa máy xét nghiệm nước tiểu	Dung dịch rửa máy nước tiểu tự động Clinitek Novus 4 lọ mỗi lọ 26 ml	4x26ml/hộp	hộp	4
185	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm bán định lượng 12 thông số nước tiểu	Dung dịch chuẩn máy nước tiểu tự động Clinitek Novus 4 mức (mỗi mức 230 ml)	4x230ml/hộp	hộp	2
186	Kit tải lượng HIV	Thông số kỹ thuật: + HI Virus-1 RG Master A 4 x 144 µl + HI Virus-1 RG Master B 4 x 216 µl + HI Virus-1 RG QS1* (1x 10 ⁴ IU/µl) 200 µl + HI Virus-1 RG QS2* (1x 10 ³ IU/µl) 200 µl + HI Virus-1 RG QS3* (1x 10 ² IU/µl) 200 µl + HI Virus-1 RG QS4* (1x 10 ¹ IU/µl) 200 µl + HI Virus-1 RG IC* 1000 µl + Water (PCR grade) 1000 µl Bảo quản: -20°C - Phát hiện HBV Genotype A - H - Khoảng định lượng: 31,6 IU/mL - 2x10 ⁷ IU/mL - Độ nhạy phân tích: 10,22 IU/mL - Thành phần:	24 test/ bộ	Test	480
187	Kit tải lượng HBV	+ HBV RG/TM Master: 7 x 360 µl + HBV RG/TM QS 1* (1 x 10 ⁵ IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM QS 2* (1 x 10 ⁴ IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM QS 3* (1 x 10 ³ IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM QS 4* (1 x 10 ² IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM QS 5* (1 x 10 ¹ IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM IC*: 2 x 1000 µl + Water (PCR grade): 1000 µl - Phát hiện HCV Genotype 1 - 6 - Độ nhạy phân tích: 21 IU/mL - Khoảng định lượng: 35 đến 1,77 x 10 ⁷ IU/ml - Thành phần:	72 test/ bộ	Test	2.160
188	Kit tải lượng HCV	+ Hep. C Virus RG Master A: 8 ống x 144 µl + Hep. C Virus RG Master B: 8 ống x 216 µl + Hep. C Virus RG QS 1* (10 ⁴ IU/µl): 200 µl + Hep. C Virus RG QS 2* (10 ³ IU/µl): 200 µl + Hep. C Virus RG QS 3* (10 ² IU/µl): 200 µl + Hep. C Virus RG QS 4* (10 ¹ IU/µl): 200 µl + Hep. C Virus RG IC*: 2 x 1000 µl + Water (PCR grade): 1000 µl	72 test/ bộ	Test	936

